

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Nga
Giảng viên hướng dẫn: Th.s Lương Khánh Chi

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Nga
Giảng viên hướng dẫn: Th.s Lương Khánh Chi**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Nga

Mã SV: 110259

Lớp: QT 1103K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

- 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).**
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí , xác định kết quả kinh doanh
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí , xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang
 - Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí , xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang

- 2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**
 - Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang trong 3 năm gần đây
 - Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí ,xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang

- 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:**
 - tại công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Lương Khánh Chi**

Học hàm, học vị: **Thạc Sĩ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại Học Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp
- Định hướng cách hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nghiệp
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang
- Định hướng cách đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Nga

Th.s Lương Khánh Chi

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	Error! Bookmark not defined.
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	Error! Bookmark not defined.
2. Mục đích nghiên cứu	Error! Bookmark not defined.
3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu	Error! Bookmark not defined.
4. Phương pháp nghiên cứu	Error! Bookmark not defined.
5. Kết cấu đề tài.....	Error! Bookmark not defined.
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	Error! Bookmark not defined.
1.1 Sự cần thiết của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	Error! Bookmark not defined.
1.1.1 Những vấn đề chung về doanh thu trong doanh nghiệp.....	Error! Bookmark not defined.
1.1.1.1 Khái niệm:.....	Error! Bookmark not defined.
1.1.1.2 Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu.....	Error! Bookmark not defined.
1.1.1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	Error! Bookmark not defined.
1.1.1.4 Các khoản giảm trừ doanh thu.	Error! Bookmark not defined.
1.1.2 Những vấn đề chung về chi phí trong doanh nghiệp.....	Error! Bookmark not defined.
1.1.2.1 Khái niệm chung về chi phí	Error! Bookmark not defined.
1.1.2.2 Các loại chi phí:.....	Error! Bookmark not defined.
1.1.2.3 Nguyên tắc hạch toán chi phí	Error! Bookmark not defined.
1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	Error! Bookmark not defined.
1.1.3.1 Khái niệm chung về kết quả kinh doanh.	Error! Bookmark not defined.

- 1.1.3.2 Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh.**Error! Bookmark not defined.**
- 1.1.3.3 Vai trò, ý nghĩa của kết quả kinh doanh. **Error! Bookmark not defined.**
- 1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
Error! Bookmark not defined.
- 1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp..... **Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán theo phương pháp hạch toán hàng tồn kho kê khai thường xuyên**Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.1.1 Nội dung các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp**Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.1.2 . Phương pháp xác định giá vốn hàng bán..... **Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.1.3 Chứng từ sử dụng **Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.1.4 Tài khoản sử dụng **Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.1.5.Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán**Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu..... **Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.2.1 Nội dung các khoản giảm trừ..... **Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng **Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp..... **Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.5 Kế toán hoạt động tài chính **Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.5.2 Chi phí hoạt động tài chính **Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.6 Kế toán hoạt động khác **Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.6.1 Thu nhập khác **Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.7 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ... **Error! Bookmark not defined.**
- 1.2.8 Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... **Error! Bookmark not defined.**
- 1.3 Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp..... **Error! Bookmark not defined.**

1.3.1	Hình thức kế toán nhật ký chung.....	36
1.3.2.	Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	Error! Bookmark not defined.
1.3.3.	Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	Error! Bookmark not defined.
1.3.4.	Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	Error! Bookmark not defined.
1.3.5.	Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	Error! Bookmark not defined.
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG.....		
		Error! Bookmark not defined.
2.1	Đặc điểm tình hình chung của công ty CPTM Thái Giang	Error! Bookmark not defined.
2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển của công ty CPTM Thái Giang	Error! Bookmark not defined.
2.1.2	Những thuận lợi và khó khăn của công ty CPTM Thái Giang.....	Error! Bookmark not defined.
2.1.3	Cơ cấu tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của công ty CPTM Thái Giang	Error! Bookmark not defined.
2.1.4	Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty CPTM Thái Giang	Error! Bookmark not defined.
2.2	Thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Thái Giang	Error! Bookmark not defined.
2.2.1	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Error! Bookmark not defined.
2.2.2	Kế toán giá vốn hàng bán	Error! Bookmark not defined.
2.2.3	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	Error! Bookmark not defined.
2.2.4	Kế toán hoạt động tài chính	Error! Bookmark not defined.
2.2.4.1	Doanh thu hoạt động tài chính.....	Error! Bookmark not defined.
2.2.4.2	Chi phí tài chính	Error! Bookmark not defined.
2.2.5	Kế toán hoạt động khác	Error! Bookmark not defined.

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh **Error! Bookmark not defined.**

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG**Error! Bookmark not defined.**

3.1 Những đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang.**Error! Bookmark not defined.**

3.1.1 .Những ưu điểm..... **Error! Bookmark not defined.**

3.1.1.1. Về tổ chức quản lý kinh doanh **Error! Bookmark not defined.**

3.1.1.2. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh **Error! Bookmark not defined.**

3.1.1.2.1. Về công tác kế toán doanh thu **Error! Bookmark not defined.**

3.1.1.2.3. Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh**Error! Bookmark not defined.**

3.1.2. Những hạn chế **Error! Bookmark not defined.**

3.1.2.1 Về công tác quản lý hàng tồn kho..... **Error! Bookmark not defined.**

3.1.2.2 Về công nợ phải thu..... **Error! Bookmark not defined.**

3.1.2.3 Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm**Error! Bookmark not defined.**

3.1.2.4 Về công tác quản lý chi phí bán hàng ,chi phí quản lý doanh nghiệp ...**Error! Bookmark not defined.**

3.1.2.5 Về việc tham gia đóng bảo hiểm và ghi chép sổ sách kế toán**Error! Bookmark not defined.**

3.1.2.6. Về vận dụng phần mềm trong tổ chức hạch toán kế toán**Error! Bookmark not defined.**

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang.....**Error!**

Bookmark not defined.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang.**Error! Bookmark not defined.**

defined.

3.2.2 Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán ...**Error!**

Bookmark not defined.

3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Thái Giang.**Error! Bookmark not defined.**

defined.

3.2.3.1 Về công tác quản lý hàng tồn kho..... **Error! Bookmark not defined.**

3.2.3.2 Về công nợ phải thu..... **Error! Bookmark not defined.**

3.2.3.3 Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm**Error! Bookmark not defined.**

3.2.3.6 Về vận dụng phần mềm trong tổ chức hạch toán kế toán**Error! Bookmark not defined.**

KẾT LUẬN **Error! Bookmark not defined.**

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, với chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Chính phủ đề ra, nền kinh tế trong nước ngày càng phát triển, kéo theo đó là sự đi lên của hàng loạt các ngành công nghiệp như: xây dựng, tàu thủy,... Cùng với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế là sự cạnh tranh gay gắt của nhiều doanh nghiệp với nhau. Chính trong điều kiện này vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là : Làm thế nào để nâng cao vị thế của mình, tạo được uy tín trên thị trường? Làm thế nào để có thể đạt hiệu quả cao trong kinh doanh cũng như có thể tồn tại lâu dài và theo kịp nền kinh tế trong và ngoài nước? Điều này đòi hỏi các công ty, các doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân cần phải có những đường lối, chính sách phù hợp. Mục tiêu của các Công ty cũng như mong muốn của các chủ doanh nghiệp là làm thế nào để tối đa hoá lợi nhuận nhằm đảm bảo vững chắc cho sự tồn tại lâu dài của Công ty trên thương trường và cũng là làm tăng thu nhập của người lao động, tăng khả năng cạnh tranh của chính Công ty. Tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là nội dung rất quan trọng trong công tác kế toán giúp cho chủ doanh nghiệp nắm được tình hình chung của Công ty, giúp họ đưa ra các quyết định đúng đắn và kịp thời, từ đó có các biện pháp khắc phục những nhược điểm và phát huy những ưu điểm nhằm tạo ra lợi nhuận cao, thúc đẩy sự đi lên của doanh nghiệp. Xuất phát từ lý do trên em chọn đề tài khóa luận "*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang*".

2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu là vận dụng những lí luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vào thực tiễn kế toán tại Công ty CPTM Thái Giang để từ đó đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh

thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

Không gian nghiên cứu: là nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang.

Thời gian nghiên cứu : lấy số liệu của năm 2010 để minh họa.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu là vận dụng phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp lý luận và các phương pháp của kế toán để nghiên cứu.

5. Kết cấu đề tài

Nội dung bài khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang.

Do kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những sai sót, em rất mong các thầy cô tận tình chỉ bảo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Sự cần thiết của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .

Để quản lý tốt hoạt động của sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết hiệu quả của mình đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.1 Những vấn đề chung về doanh thu trong doanh nghiệp.

1.1.1.1 Khái niệm:

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. (Theo chuẩn mực số 14 doanh thu và thu nhập khác ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ/BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 89/2002/TT- BTC).

1.1.1.2 Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu

- Các loại doanh thu: Tùy từng loại hình sản xuất KD, doanh thu bao gồm:
- ✧ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là số tiền thu được hoặc sẽ

thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ...

→ Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro, và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.

✓ Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.

✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

→ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập B01.

✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✧ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng các giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ các hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán và doanh thu từ các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

→ Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:

✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

→ Doanh thu tài chính được xác định trên cơ sở:

- ✓ Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- ✓ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền ghi nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận.

► Phương pháp xác định doanh thu:

- Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Giá trị hợp lý: là giá trị tài sản có thể được trao đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự thay đổi ngang giá.

- Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu về được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể sẽ nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo doanh thu.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo doanh thu. Trường hợp này doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về, sau khi đã điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm. Khi không xác định được giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ đem trao đổi, sau khi đã điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

1.1.1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo

phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán trừ thuế GTGT phải nộp được tính theo phương pháp trực tiếp.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm, hàng hoá, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

- Những sản phẩm, hàng hoá được xác định là tiêu thụ, nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kỹ thuật... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp nhận; hoặc người mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các tài khoản như tài khoản “ Chiết khấu thương mại”, tài khoản “ Hàng bán bị trả lại” và tài khoản “ Giảm giá hàng bán”.

- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng, thì trị giá số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK 511 “Doanh thu

bán hàng và cung cấp dịch vụ”, mà chỉ hạch toán vào bên Có TK 131 “ Phải thu của khách hàng” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua mới hạch toán vào TK 511 về giá trị hàng đã giao, đã thu trước tiên bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ được thực hiện như quy định đối với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, nghĩa là chỉ phản ánh vào doanh thu nội bộ số doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của các đơn vị thành viên cung cấp lẫn cho nhau. Doanh thu bán hàng nội bộ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh nội bộ của các đơn vị thành viên.

- Việc ghi nhận một khoản doanh thu phải tương ứng với nó là một khoản chi phí hợp lý tạo ra doanh thu đó.

1.1.1.4 Các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp và thuế xuất nhập khẩu, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp, nhằm cung cấp các thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không

đúng quy cách....

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

- Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp: Thuế GTGT, thuế XK, thuế TTĐB là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng. Các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ phải chịu, các cơ sở kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó.

1.1.2 Những vấn đề chung về chi phí trong doanh nghiệp

1.1.2.1 Khái niệm chung về chi phí

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

1.1.2.2 Các loại chi phí:

a) Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh: bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

✦ Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

✦ Chi phí bán hàng:

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: Là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản tính theo lương (khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ).

- Chi phí vật liệu, bao bì: Là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng

gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vật liệu để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hóa

- Chi phí dụng cụ đồ dùng: Là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí bảo hành sản phẩm: Là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý...

- Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hóa...

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Theo quy định hiện hành, chi phí quản lý doanh nghiệp chia ra các khoản chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý: Gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định

- Chi phí vật liệu quản lý: Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao cho những tài sản dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn...

- Thuế phí, lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà, đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà...
- Chi phí dự phòng: Khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.
- Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, chi tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác...

b) Chi phí hoạt động tài chính:

Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

c) Chi phí hoạt động khác: gồm chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ **Chi phí khác:** là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN.}$$

1.1.2.3 Nguyên tắc hạch toán chi phí

Các khoản chi phí được tập hợp để xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ kế toán của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác và chi phí thuế TNDN.

Hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định của Nhà nước. Tuy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp cụ thể mà có thể mở thêm một số nội dung chi phí khác, nhằm giúp cho nhà quản trị có thể theo dõi và kiểm tra sự phát sinh chi phí.

1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.3.1 Khái niệm chung về kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Có thể khái quát mối quan hệ chặt chẽ giữa doanh thu, chi phí và kết quả sản xuất kinh doanh bằng sơ đồ dưới đây:

Lãi thuần	Thuế thu nhập DN	
Lãi trước thuế		Chi phí quản lý và chi phí bán hàng

Lãi gộp	Trị giá vốn hàng bán
Doanh thu thuần bán hàng	
Doanh thu bán hàng	

- Chiết khấu bán hàng
- Giảm giá, trả lại
- Thuế TTĐB

1.1.3.2 Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Kết quả hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3.3 Vai trò, ý nghĩa của kết quả kinh doanh.

- Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ.

- Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

- Xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

1.1.4 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và hạch toán đầy đủ, chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, các khoản làm giảm doanh thu phát sinh trong kỳ.

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán theo phương pháp hạch toán hàng tồn kho kê khai thường xuyên

1.2.1.1 Nội dung các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

a. Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp.

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

Gồm 2 hình thức bán buôn và bán lẻ:

❖ **Bán buôn:** Là phương thức bán hàng cho các đơn vị, cá nhân mà số thành phẩm đó còn nằm trong quá trình lưu thông, chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị sử dụng của hàng hóa chưa thực hiện. Đặc điểm chủ yếu của phương thức

bán buôn là khối lượng hàng hóa giao dịch lớn, theo từng lô hàng. Trong hình thức bán buôn có 2 hình thức bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

→ Bán buôn qua kho: gồm 2 loại

+ Bán buôn qua kho (giao hàng trực tiếp): Doanh nghiệp xuất hàng từ kho cho người mua theo hợp đồng , người mua có trách nhiệm đưa hàng về đơn vị mình. Người mua ký nhận đủ hàng, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng được xác định là tiêu thụ.

+ Bán buôn theo hình thức chuyển hàng: Doanh nghiệp xuất hàng từ kho chuyển đi cho người mua theo hợp đồng. Chi phí vận chuyển do hai bên thỏa thuận . Hàng hóa chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp.

→ Bán buôn vận chuyển thẳng không qua kho cũng bao gồm hai hình thức trên chỉ khác là hàng hóa sản xuất xong không nhập kho mà giao thẳng cho người bán.

❖ **Bán lẻ** : Là phương thức bán hàng cung cấp trực tiếp cho người tiêu dùng. Đặc điểm chủ yếu của phương thức này là khối lượng hàng hóa giao dịch mua bán nhỏ. Bán lẻ được thực hiện dưới 3 hình thức sau:

- Bán lẻ thu tiền trực tiếp: Nhân viên bán hàng chịu trách nhiệm vật chất về hàng hóa đã nhận bán, có trách nhiệm bán hàng thu tiền. Cuối ngày, cuối ca nhân viên bán hàng kiểm kê, xác định hàng tiêu thụ, lập báo cáo bán hàng và nộp tiền cho thủ quỹ.

- Bán lẻ thu tiền tập trung: Trong phương thức này , nghiệp vụ thu tiền và giao hàng cho khách hàng tách rời nhau. Mỗi quầy bố trí một nhân viên thu ngân chuyên thu tiền, viết hóa đơn, tích kê mua hàng giao cho khách để nhận hàng do nhân viên bán hàng giao. Cuối ngày, cuối ca nhân viên bán hàng kiểm kê, xác định tiêu thụ, lập báo cáo bán hàng. Nhân viên thu ngân kiểm tiền, nộp tiền cho thủ quỹ.

- Bán hàng tự phục vụ: Là phương thức bán hàng mà người mua tự lấy hàng và thanh toán tiền hàng. Quá trình mua bán diễn ra nhanh chóng nhưng đòi hỏi phải có kỹ thuật, có thiết bị tốt mới tránh thất thoát được hàng hóa.

b. Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức chuyển hàng chờ nhận.

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

c. Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng.

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đó sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho doanh nghiệp và nhận hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTDB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và được hạch toán vào TK 641.

- Đối với bên nhận đại lý: Với số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản và bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

d. Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm.

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

1.2.1.2. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng xuất kho được tính theo 1 trong 4 phương pháp sau:

✓ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần

cuối kỳ.

✓ Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

✓ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

✓ Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

1.2.1.3 Chứng từ sử dụng

Tùy theo hình thức bán hàng, phương thức thanh toán kế toán bán hàng cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán theo phương pháp hạch toán hàng tồn kho kê khai thường xuyên sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT).
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT).
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...)
- Phiếu nhập kho (mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 – VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03 – VT)

1.2.1.4 Tài khoản sử dụng

Phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán kế toán sử dụng các tài khoản sau:

❖ **Tài khoản 511** – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 6 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511:

Bên Nợ:

- Số thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng, các khoản giảm giá hàng bán, các khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ

✧ **Tài khoản 632**– Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 632

Bên Nợ:

Đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh phản ánh:

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.

+ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911:" Xác định kết quả kinh doanh".

Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.

Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra kế toán doanh thu bán hàng , cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán theo phương pháp hạch toán hàng tồn kho kê khai thường xuyên còn sử dụng các tài khoản:

✧ **Tài khoản 3331** - Thuế GTGT chi tiết TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra

Tài khoản này áp dụng chung cho đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế và đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

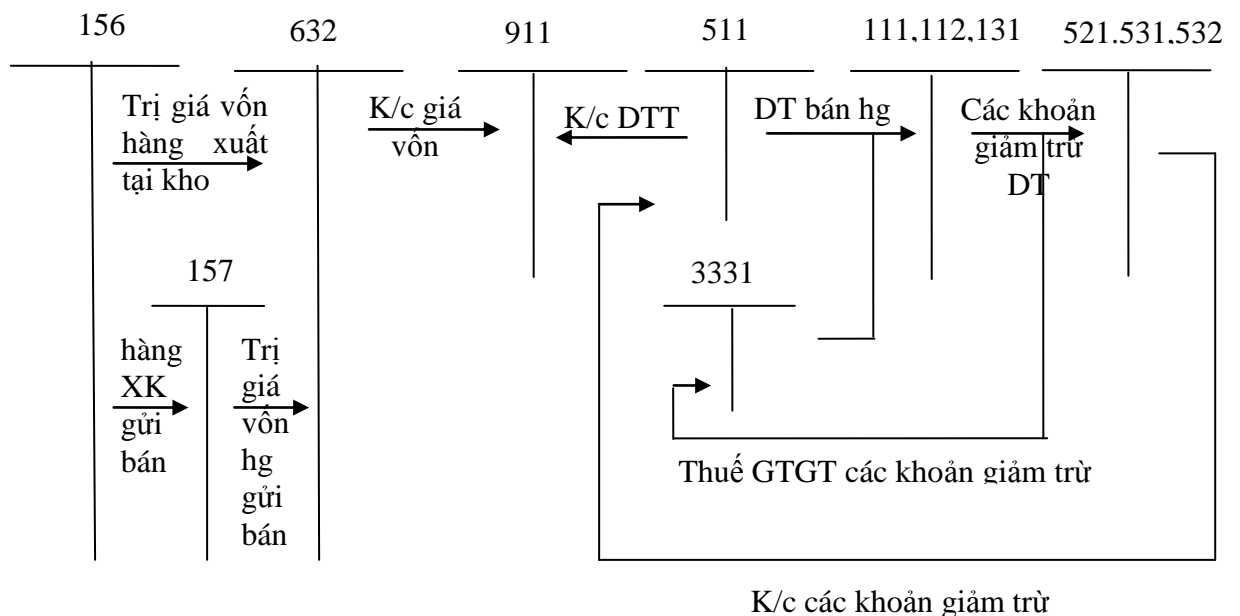
✧ **Tài khoản 156-** Hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại kho, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

✧ **Tài khoản 157-** Hàng gửi bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi cho khách hàng hoặc nhờ bán đại lý, ký gửi; hàng hóa, sản phẩm chuyển cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc để bán; trị giá dịch vụ đã hoàn thành, bàn giao cho người đặt hàng nhưng chưa được chấp nhận thanh toán. Tài khoản này được dùng cho tất cả các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc mọi lĩnh vực.

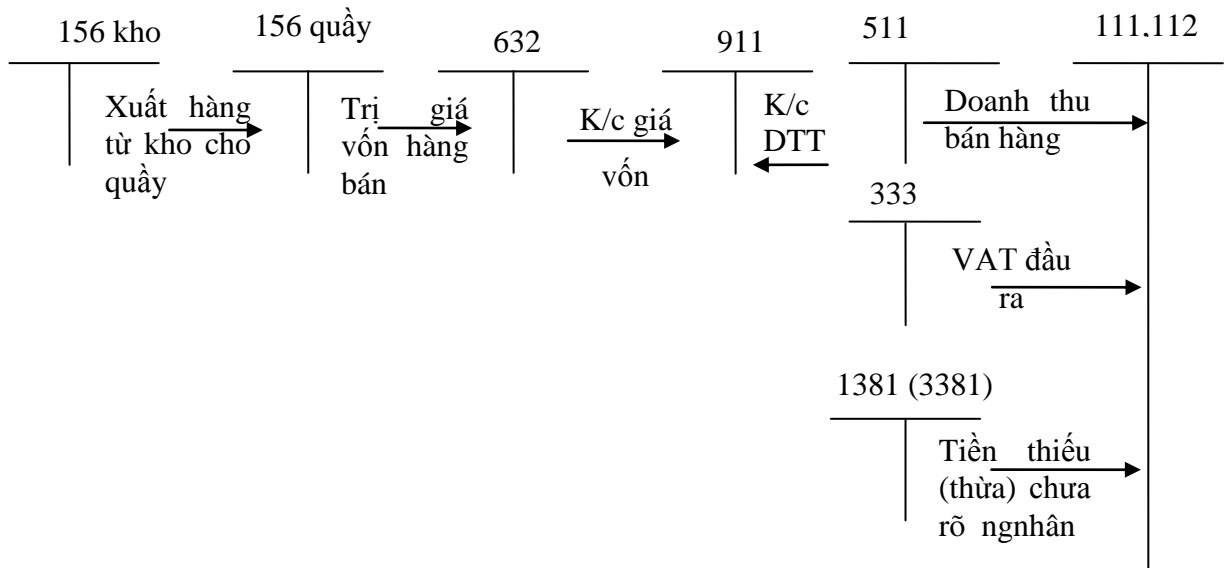
1.2.1.5. Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán

a. Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán theo phương thức trực tiếp

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán theo phương thức bán buôn

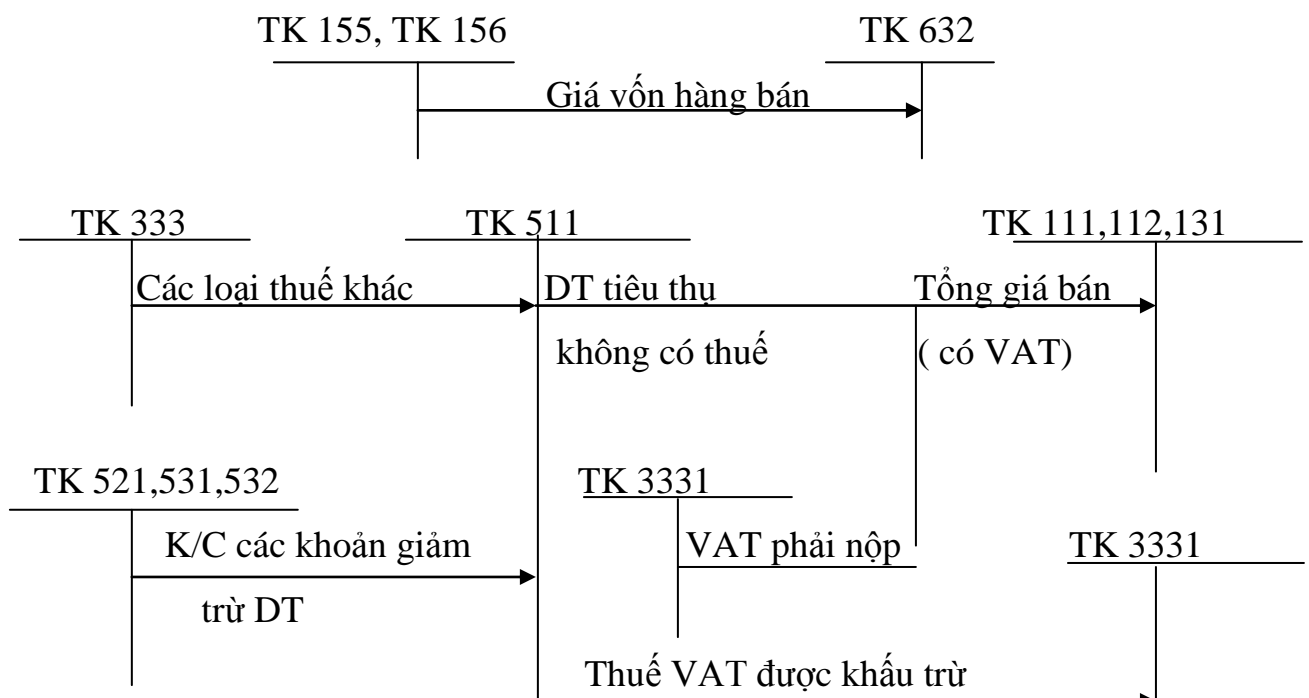


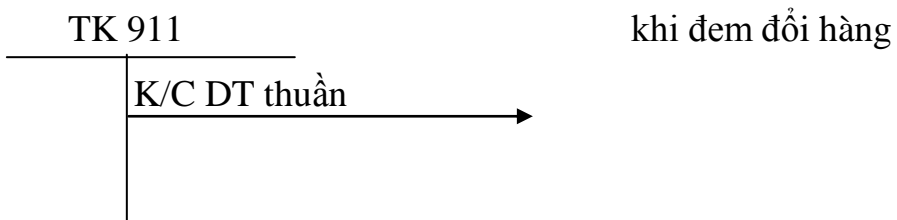
*** Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán theo phương thức bán lẻ**



b. Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận

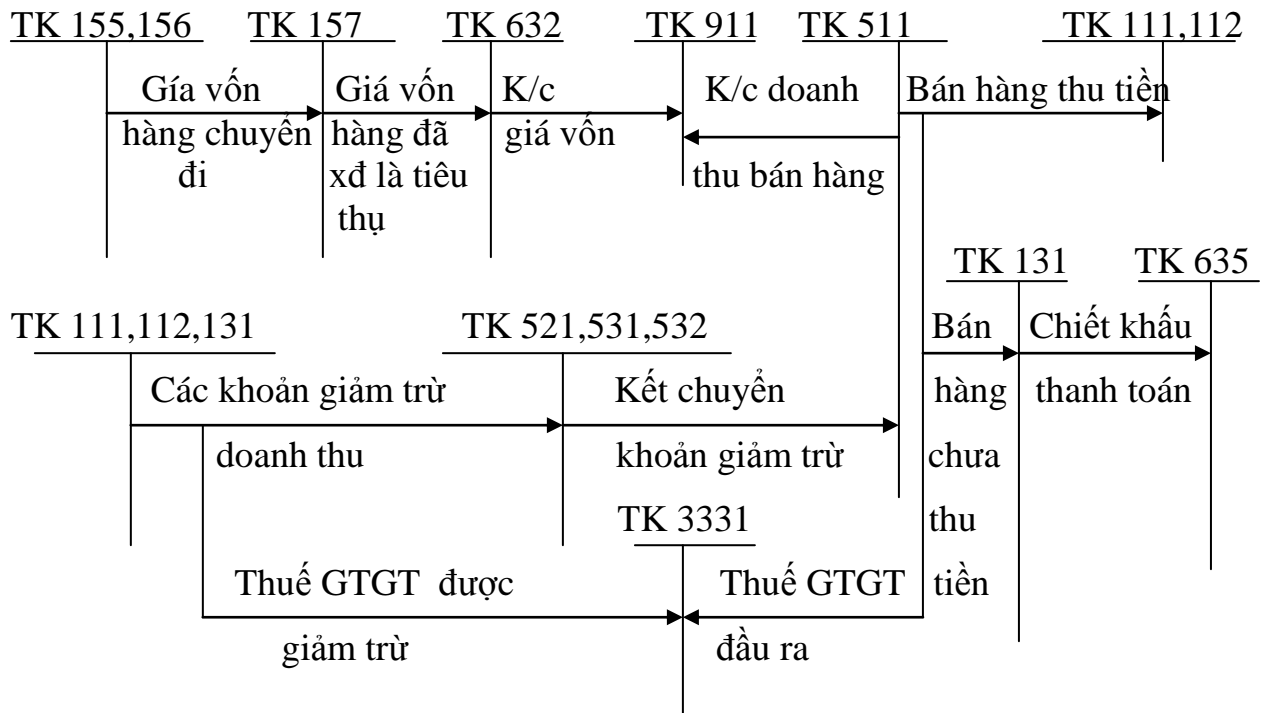
Sơ đồ 1.3 : Kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận





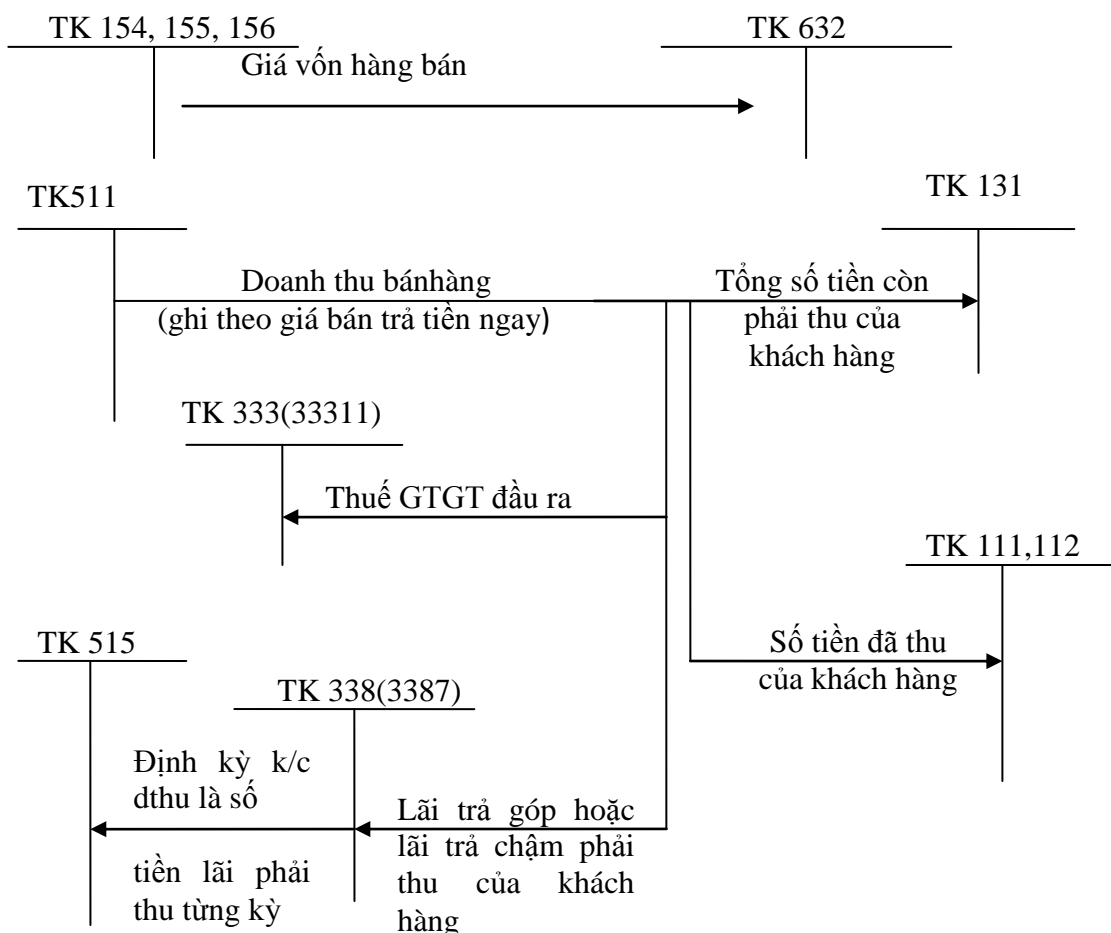
c. Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng

Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng(bên giao đại lý):



d. Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán theo phương thức trả góp , trả chậm.

Sơ đồ 1.5 : Kế toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán theo phương thức trả góp , trả chậm.



1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2.1 Nội dung các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại; Hàng bán bị trả lại; giảm giá hàng bán; Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản phù hợp để lập báo cáo tài chính.

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (Sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản

chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

TK 521 không có số dư cuối kỳ và gồm 3 tài khoản cấp 2

TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá

TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán trong kỳ báo cáo.

Chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trong hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641.

Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào TK này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán mất, kém phẩm chất...

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: Tài khoản này phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

- Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp: sử dụng TK 3331

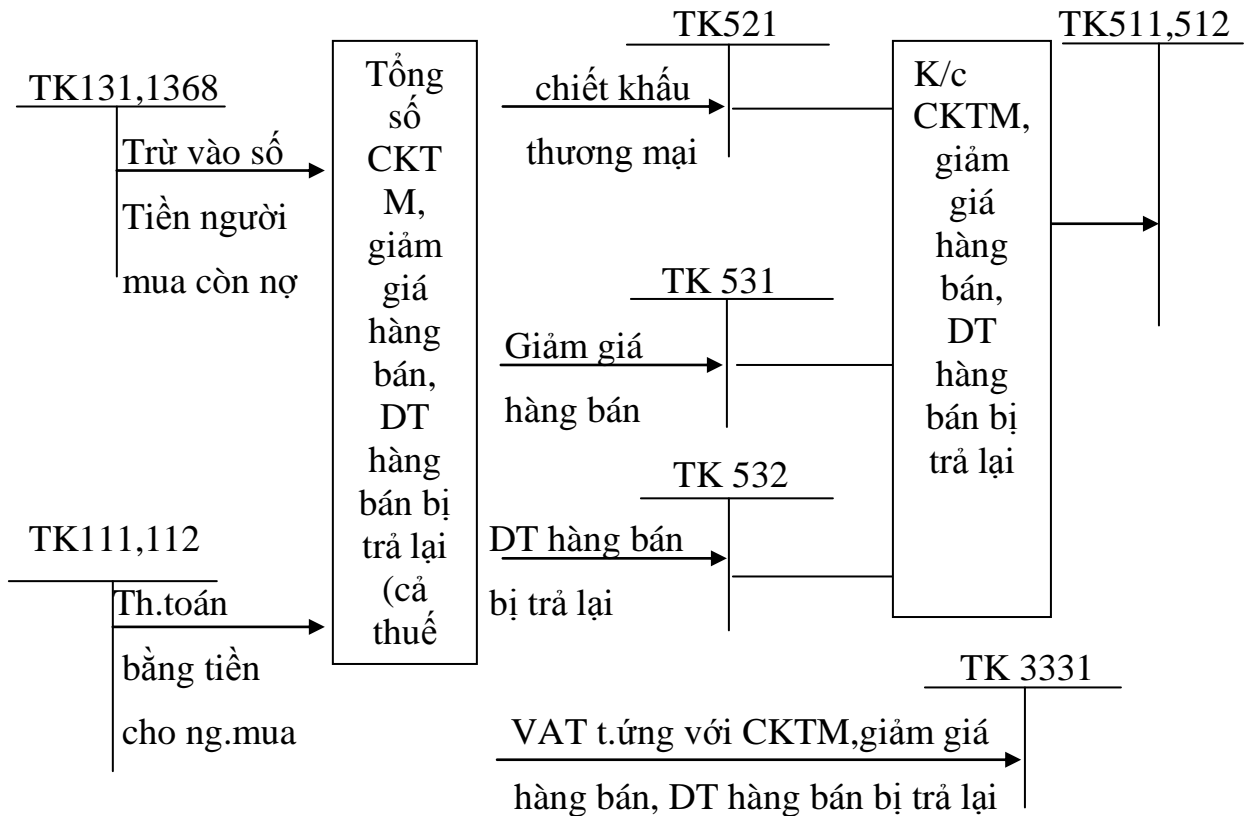
- Thuế TTĐB: sử dụng TK 3332

- Thuế xuất khẩu: sử dụng TK 3333.

1.2.2.3 Phương pháp kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

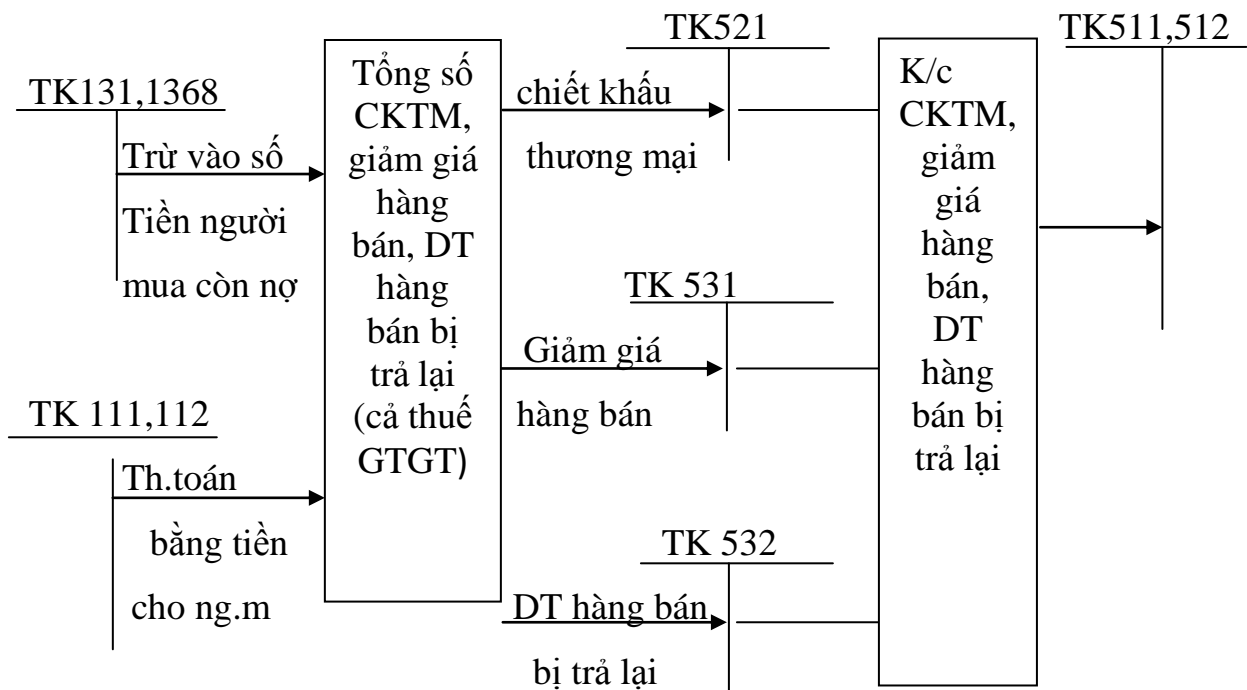
Sơ đồ 1.6 : Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

(Trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).



Sơ đồ 1.7: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

(Trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



1.2.3 Kế toán chi phí bán hàng

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (mẫu số 11 – LĐTTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06 – TSCĐ).
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (mẫu số 07 – VT).
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 GTKT – 3LL).
- Phiếu chi (mẫu số 02 – TT).
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng.

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

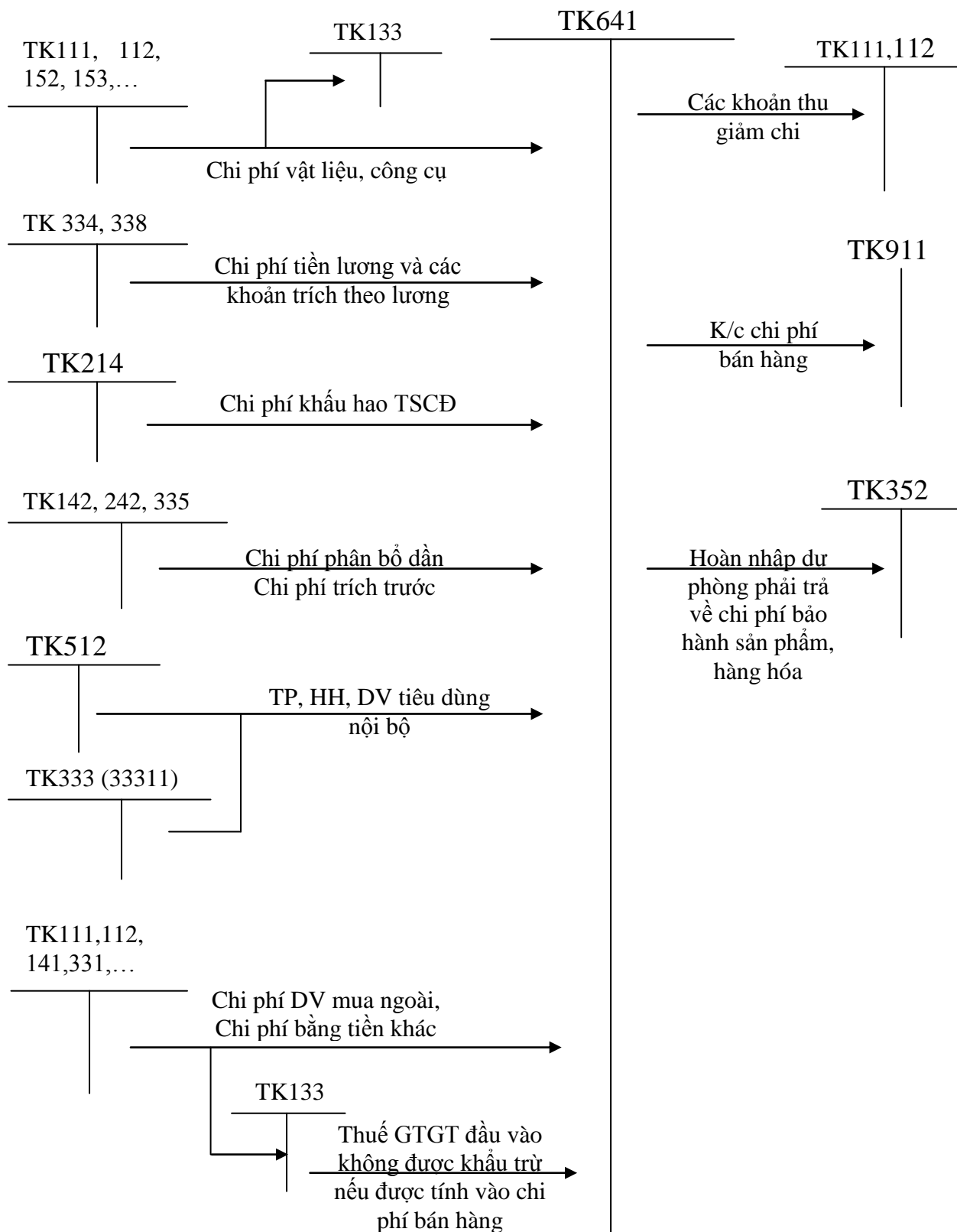
TK 641 “Chi phí bán hàng”

Các tài khoản cấp 2:

- ✓ TK 6411 – Chi phí nhân viên
- ✓ TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- ✓ TK 6413 - Chi phí dụng cụ đồ dùng
- ✓ TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- ✓ TK 6415 - Chi phí bảo hành
- ✓ TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- ✓ TK 6418 - Chi phí khác bằng tiền

1.2.3.3 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.8 : Kế toán chi phí bán hàng



1.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (mẫu số 11 – LĐTTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06 – TSCĐ).
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (mẫu số 07 – VT).
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 GTKT – 3LL).
- Phiếu chi (mẫu số 02 – TT).
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng.

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

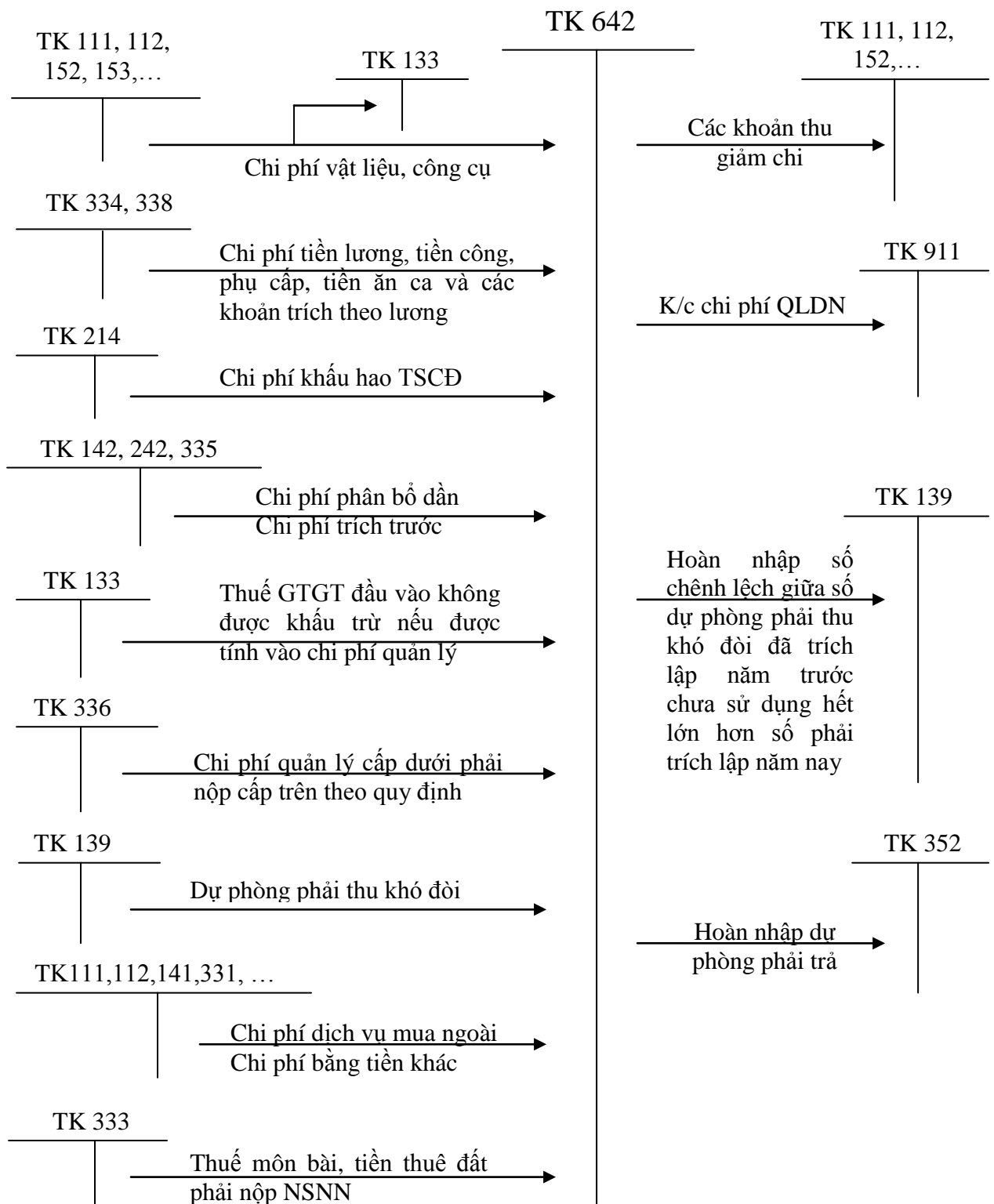
TK642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Các tài khoản cấp 2:

- ✓ TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- ✓ TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- ✓ TK 6423 - Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng
- ✓ TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- ✓ TK 6425 - Thuế, phí, lệ phí.
- ✓ TK 6426 - Chi phí dự phòng
- ✓ TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- ✓ TK 6428 - Chi phí khác bằng tiền

1.2.4.3 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.9 : Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.5 Kế toán hoạt động tài chính

1.2.5.1 Doanh thu hoạt động tài chính

1.2.5.1.1 Chứng từ sử dụng:

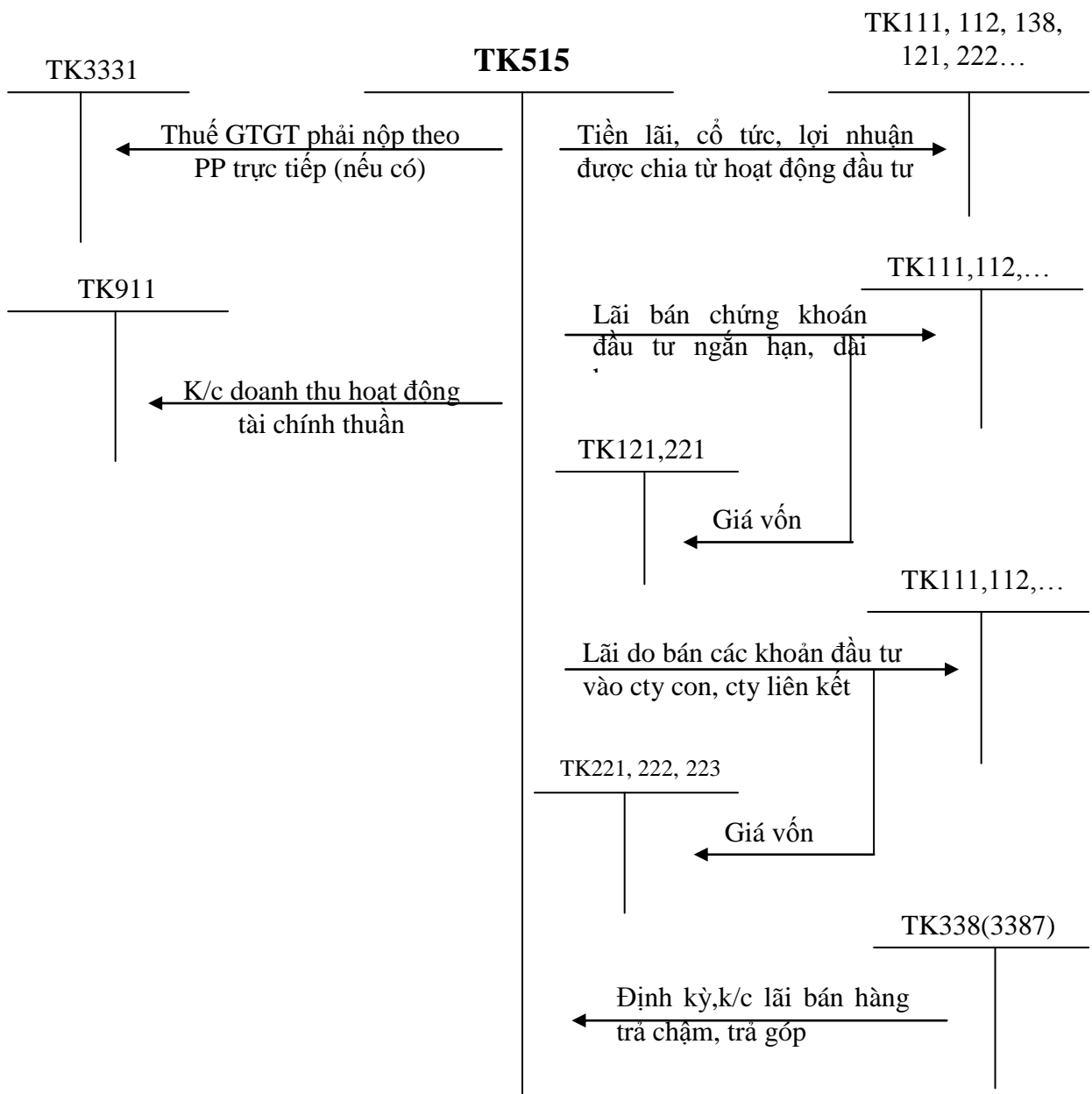
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Giấy báo Có...

1.2.5.1.2 Tài khoản sử dụng:

TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

1.2.5.1.3 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.10 : Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.5.2 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

Các chi phí tài chính chủ yếu: Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, lỗ tỷ giá hối đoái

- TK sử dụng: TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

1.2.5.2.1 Chứng từ sử dụng

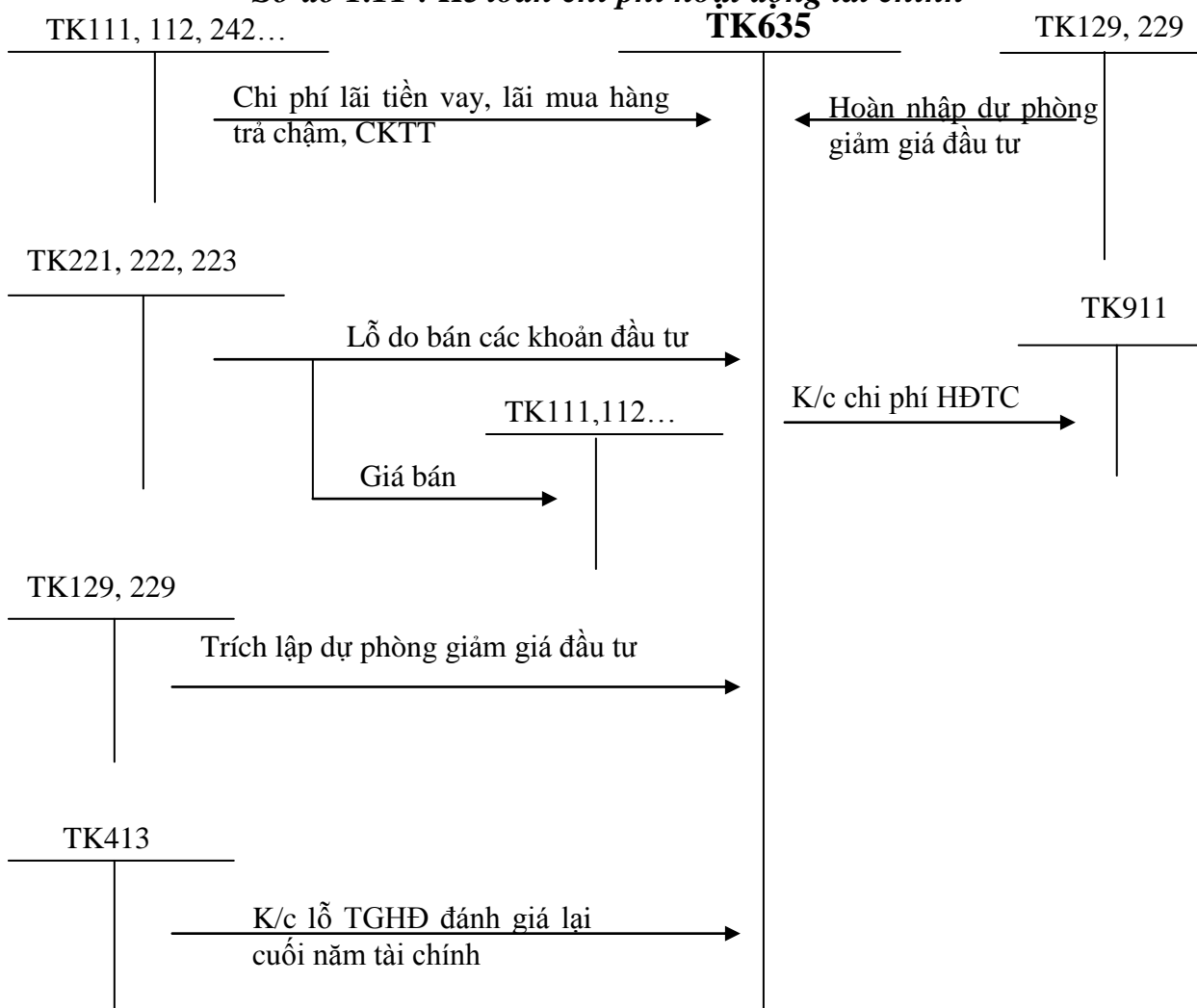
-Phiếu chi, phiếu kê toán

1.2.5.2.2 Tài khoản sử dụng:

TK 635 “Chi phí tài chính”

1.2.5.2.3 Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 1.11 : Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.6 Kế toán hoạt động khác

1.2.6.1 Thu nhập khác

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

1.2.6.1.1 Chứng từ sử dụng:

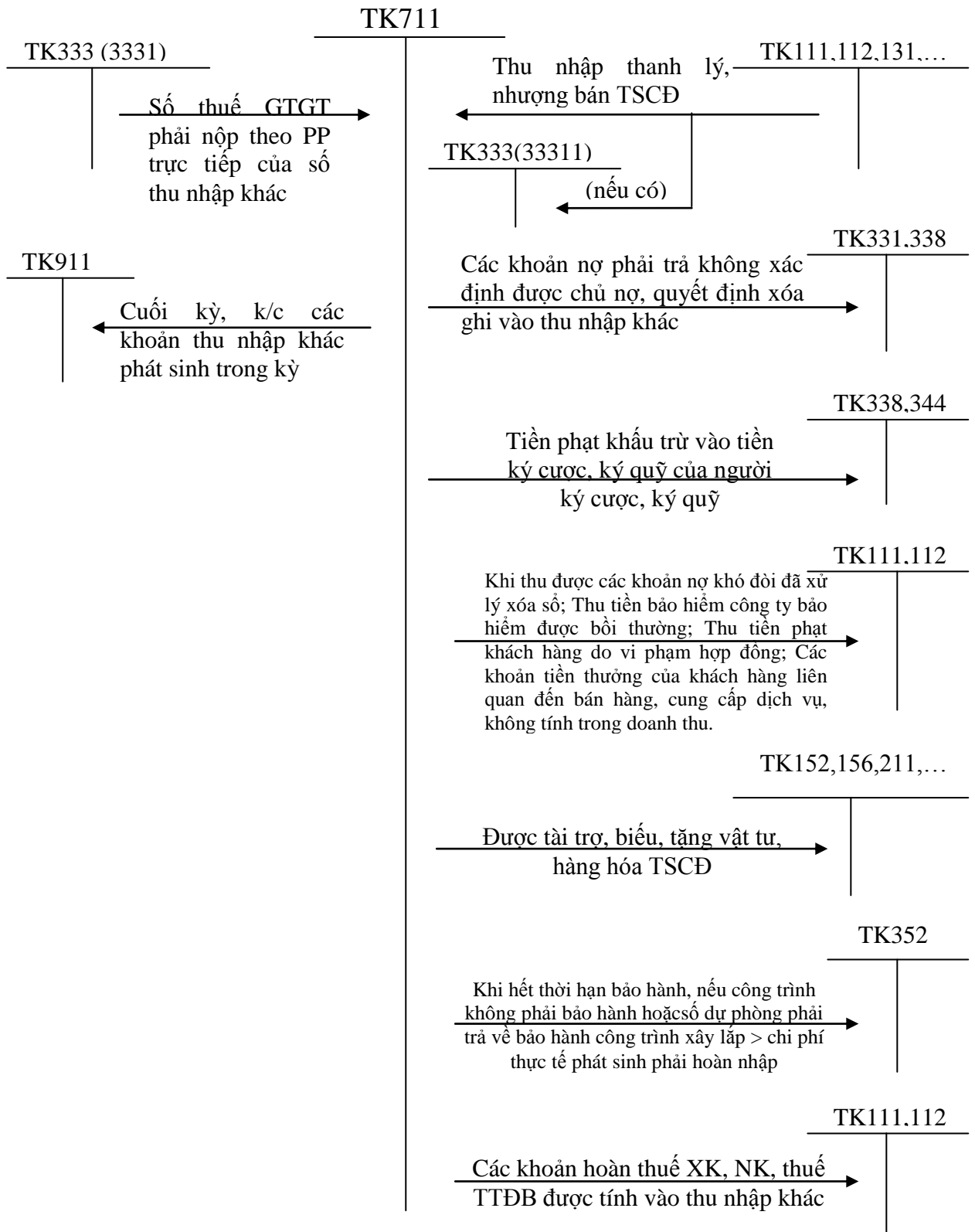
- Phiếu thu, phiếu kế toán

1.2.6.1.2 Tài khoản sử dụng:

TK 711 “Thu nhập khác”

1.2.6.1.3 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.12 : Kế toán thu nhập khác



1.2.6.2 Chi phí khác

1.2.6.2.1 Chứng từ sử dụng:

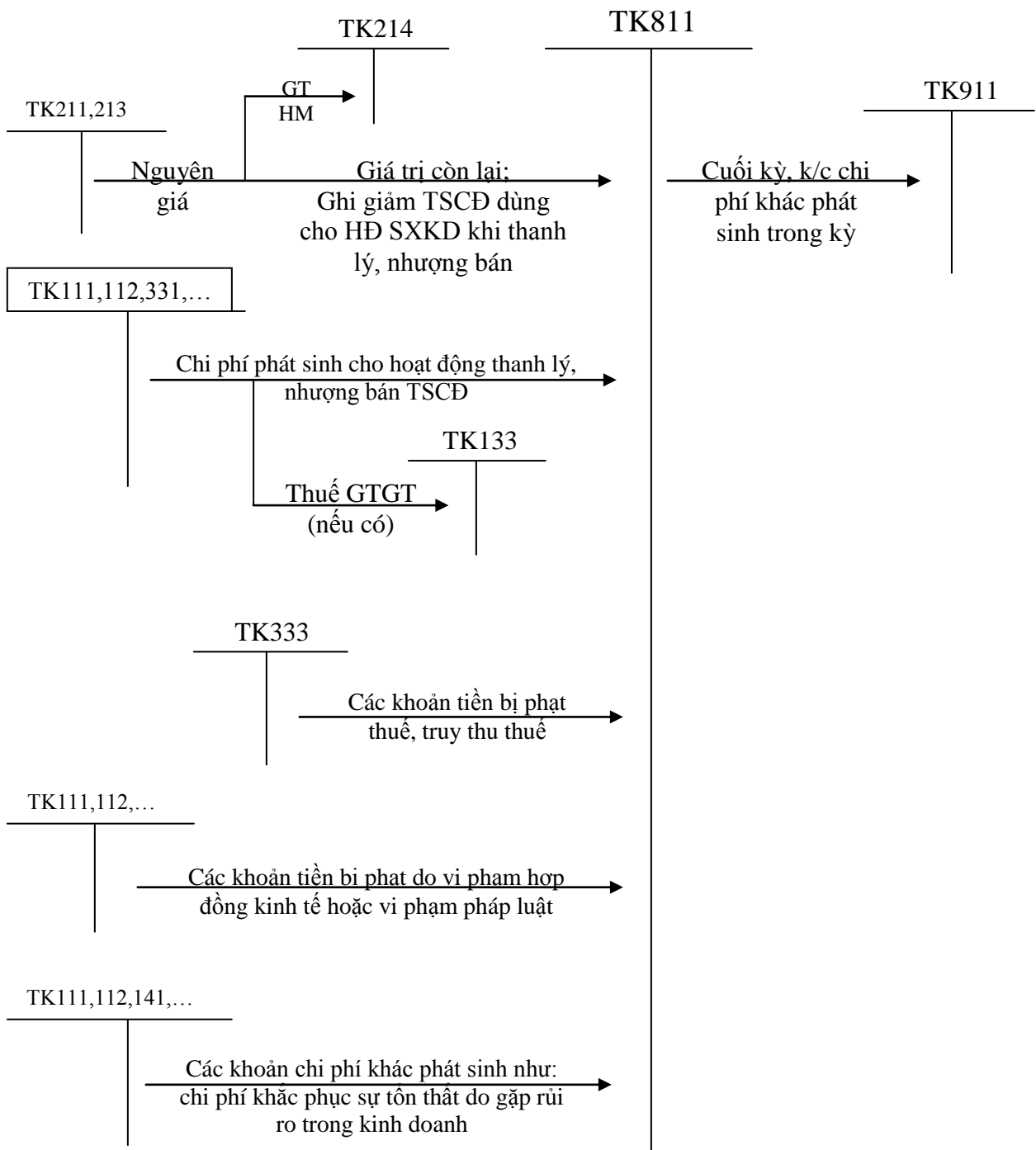
-Phiếu chi, Phiếu kế toán

1.2.6.2.2 Tài khoản sử dụng:

TK 811 “Chi phí khác”

1.2.6.2.3 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.13 : Kế toán chi phí khác



1.2.7 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.7.1 Chứng từ sử dụng:

Phiếu kế toán

1.2.7.2 Tài khoản sử dụng:

TK 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

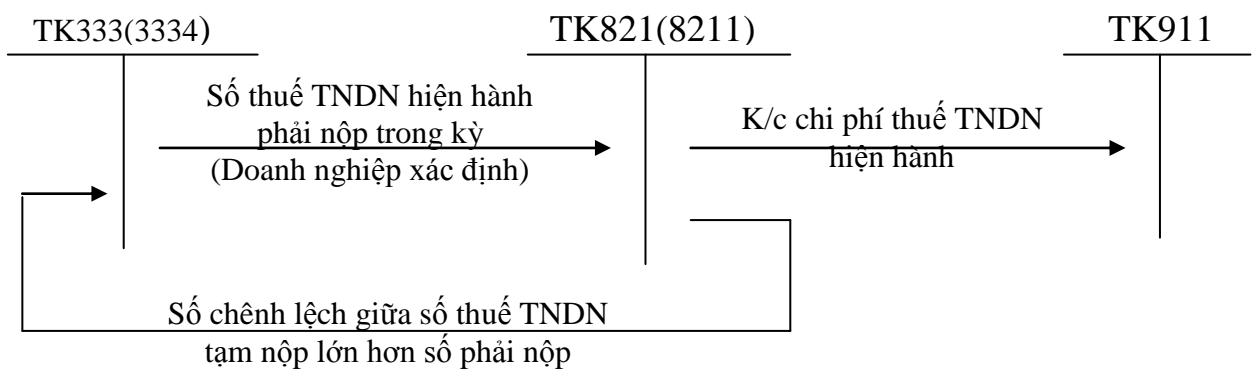
Các tài khoản cấp 2:

✓ TK 8211 : “Chi phí thuế TNDN hiện hành”

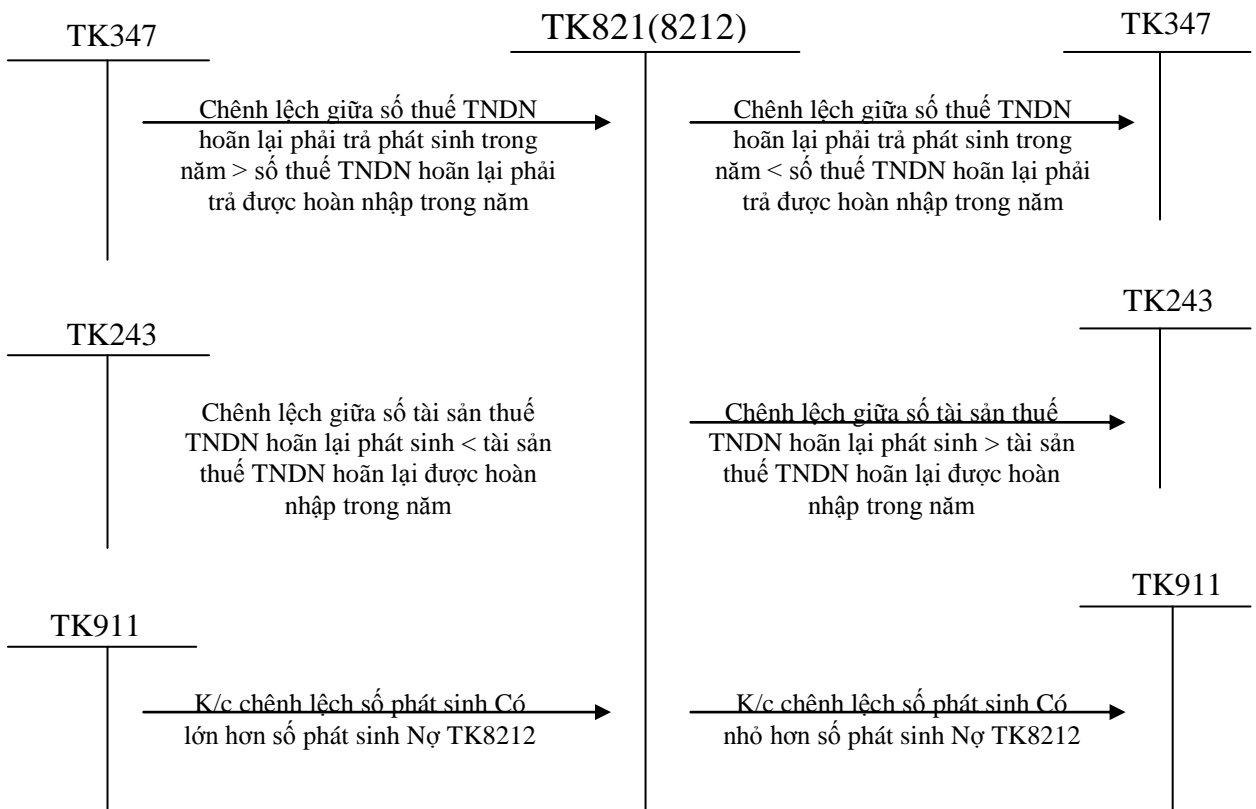
✓ TK 8212 : “Chi phí thuế TNDN hoãn lại”

1.2.7.3 Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 1.14 : Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.15 : Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



1.2.8 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.8.1 Chứng từ sử dụng:

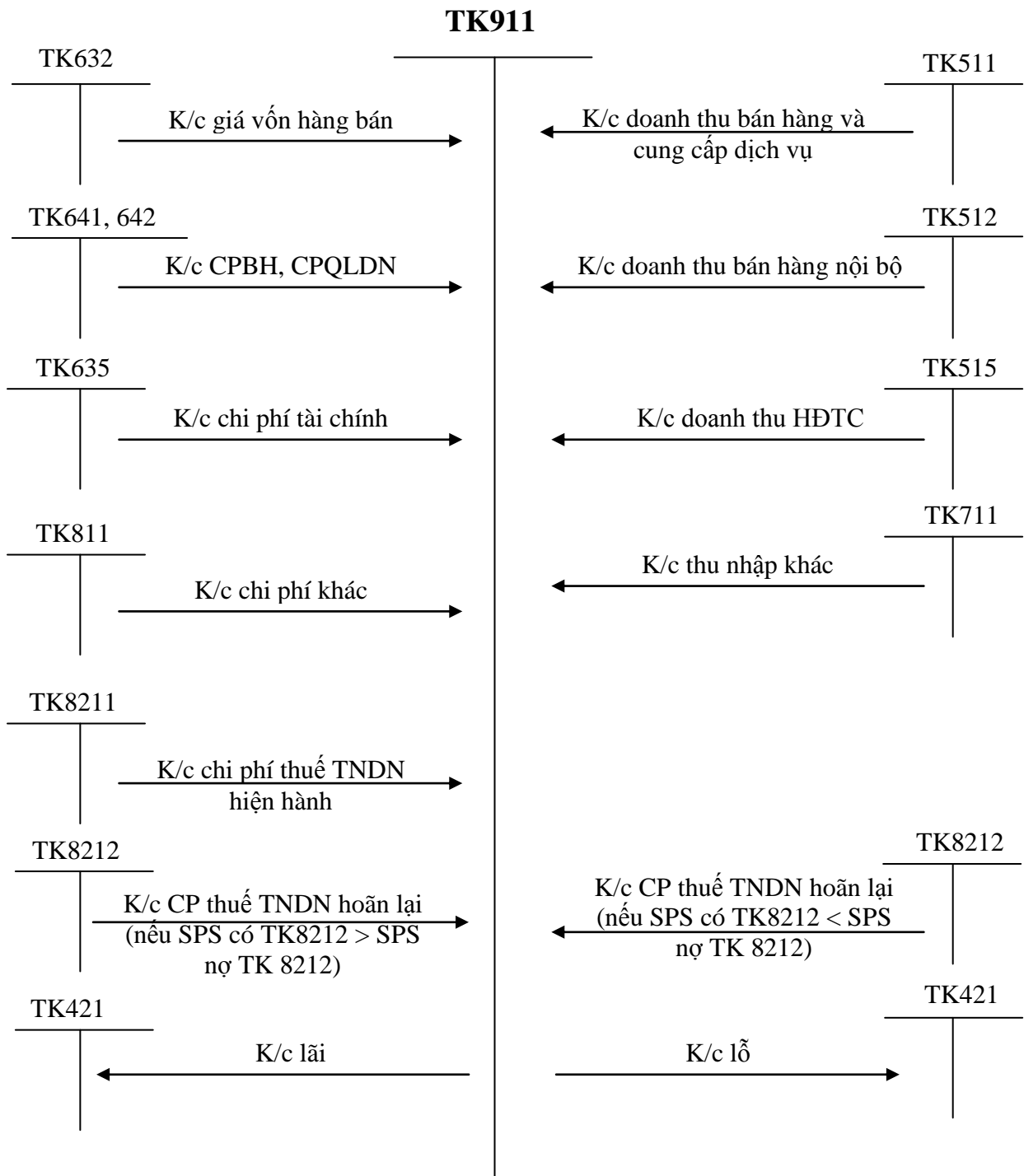
-Phiếu kế toán

1.2.8.2 Tài khoản sử dụng:

TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

1.2.8.3 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.16 : Kế toán xác định kết quả kinh doanh



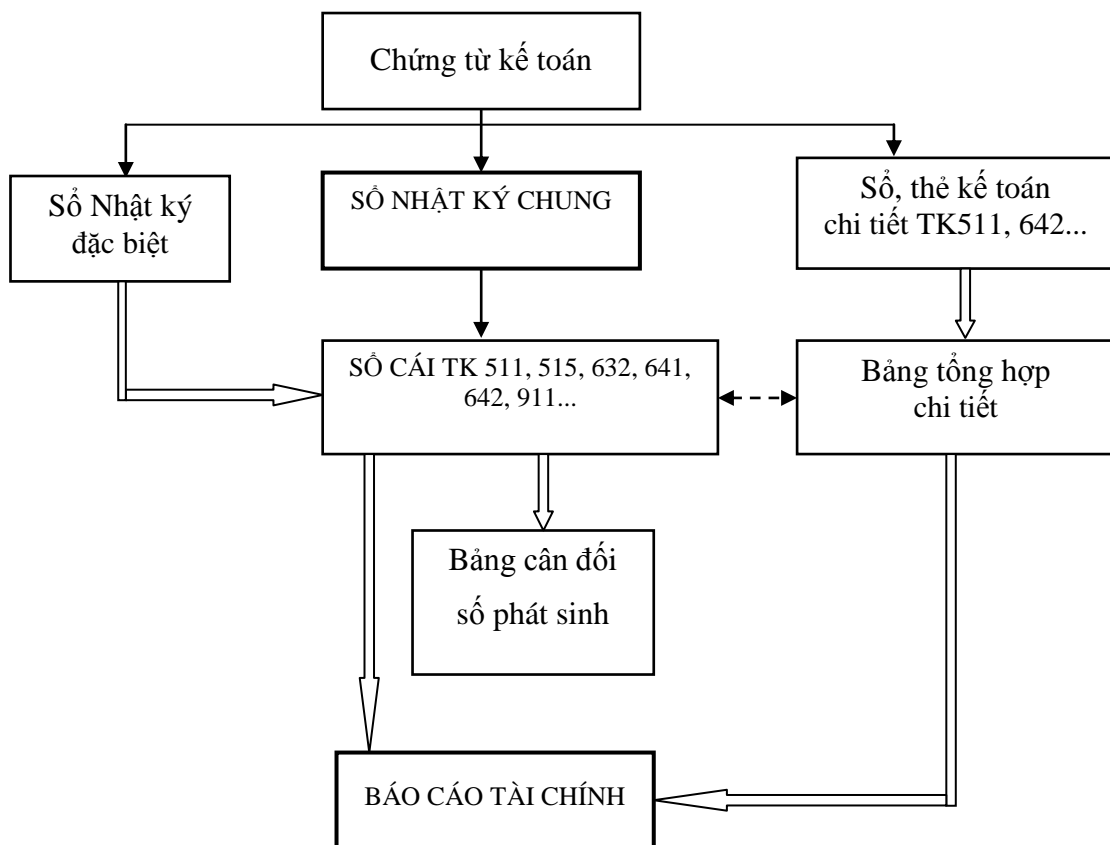
1.3 Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung

❖ **Đặc điểm:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇨
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

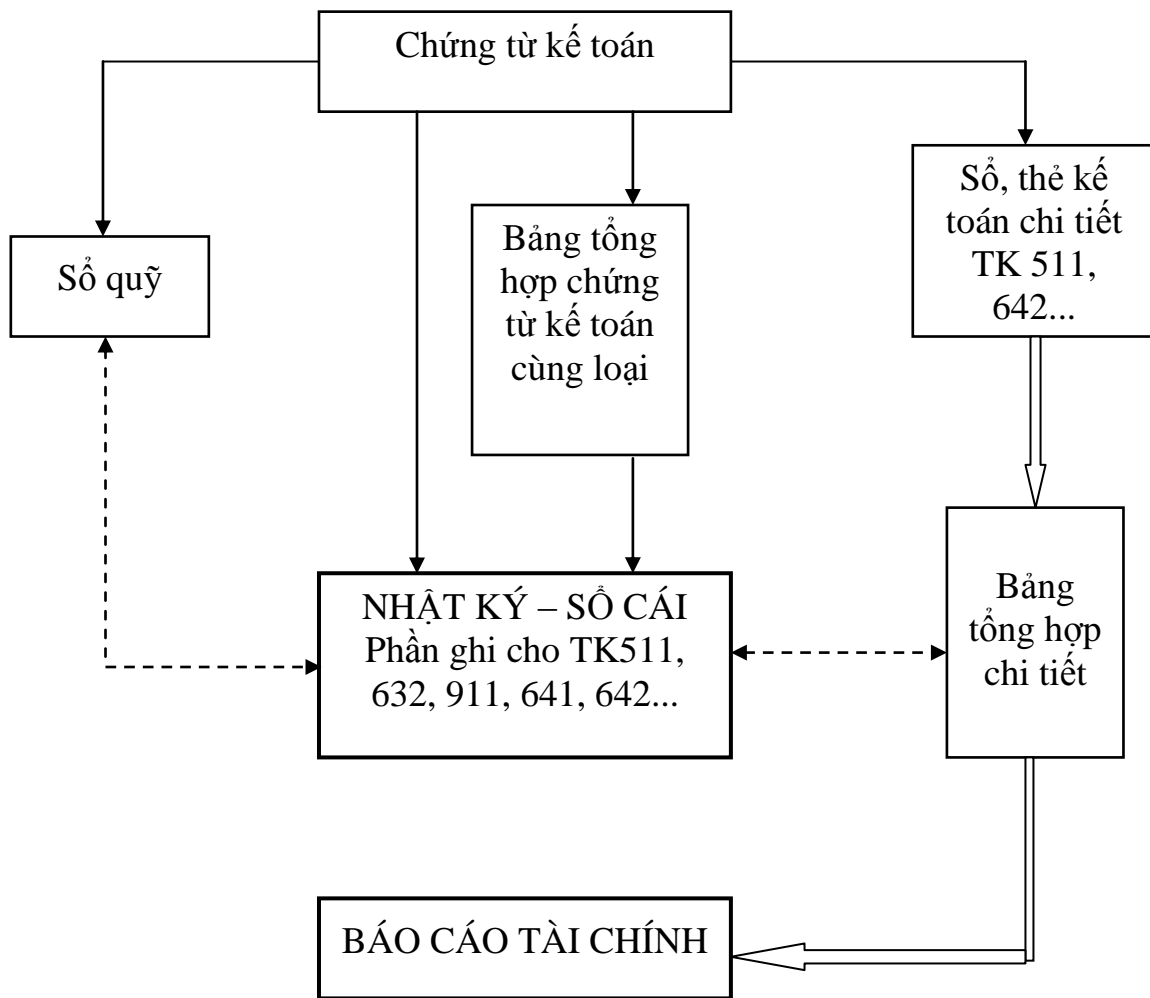
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

❖ **Đặc điểm:**

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ **Các loại sổ:** Sổ Nhật ký – Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.18 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ⇨

Đôi chiếu, kiểm tra ⇄

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ **Đặc điểm:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

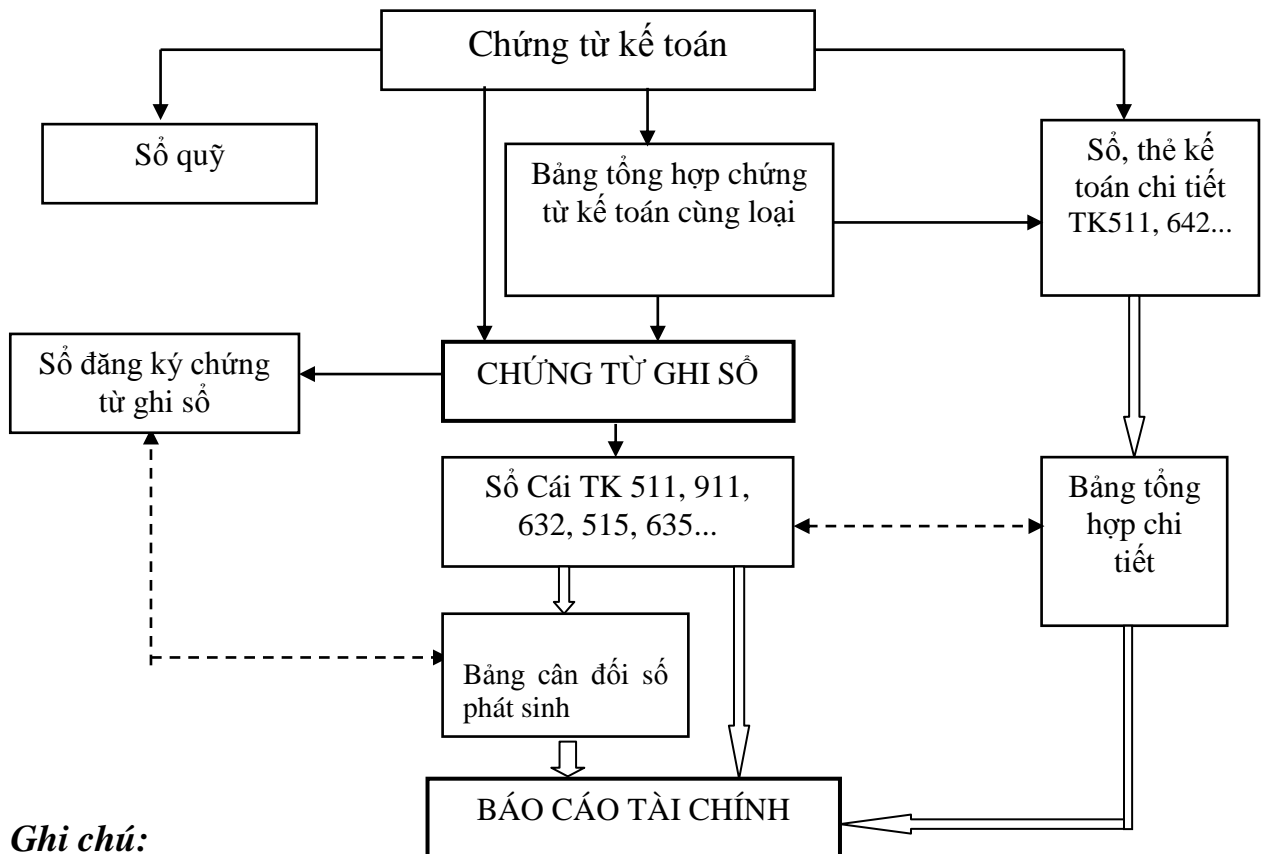
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

❖ **Các loại sổ:** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**

Sơ đồ 1.19 : Trình tự ghi sổ kế toán

Theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

❖ **Đặc điểm:** Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

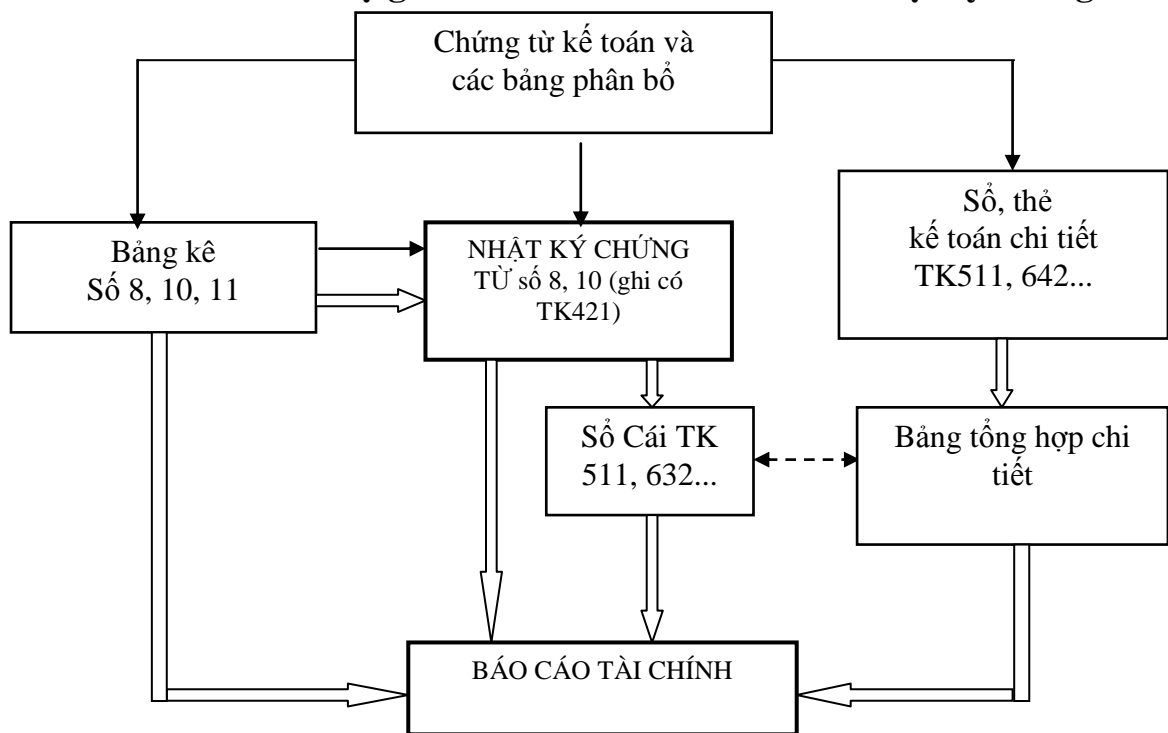
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

❖ **Các loại sổ:** Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**

Sơ đồ 1.20 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇨
- Đối chiếu, kiểm tra <-.-.->

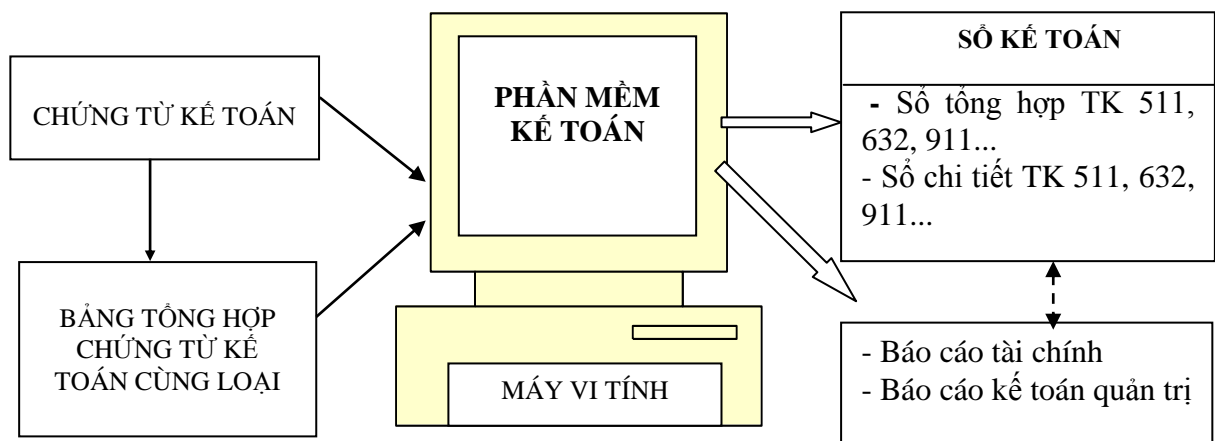
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ **Đặc điểm:** công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ **Các loại sổ:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

❖ **Trình tự ghi sổ kế toán:**

**Sơ đồ 1.21 : Trình tự ghi sổ kế toán
theo hình thức kế toán trên máy vi tính**



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm →
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

2.1 Đặc điểm tình hình chung của công ty CPTM Thái Giang

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty CPTM Thái Giang

Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang được thành lập từ năm 2003 theo giấy phép số 020030000419 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/03/2003. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16 tháng 12 năm 2009.

- * Tên giao dịch : Thai Giang joint stock company
- * Tên viết tắt : Thai Giang.JSC
- * Trụ sở chính : Số 105 Lâm Sản - Sở Dầu - Hồng Bàng - Hải Phòng.
- * Mã số thuế :0200534866
- * Điện thoại :0313527244
- * Tài khoản :68945739

Mở tại ngân hàng ACB chi nhánh Hải Phòng

* Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh hàng kim khí, thiết bị, phụ tùng, vật tư ngành điện nước, sơn, các loại vật tư thứ liệu, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội ngoại thất.

- Vận tải và dịch vụ vận tải, xếp dỡ hàng hoá đường bộ.

- Chế tạo, gia công, lắp đặt các chi tiết máy, kết cấu thép.

* Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng

2.1.2 Những thuận lợi và khó khăn của công ty CPTM Thái Giang

2.1.2.1 Thuận lợi:

Trong những năm này, khi đất nước đang trên đà phát triển các nhà đầu tư nước ngoài đang chú ý đến Việt Nam, từ đó các ngành nghề sinh sôi kéo theo đó là các doanh nghiệp được xây dựng nhiều thêm với nhiều ngành nghề còn rất mới mẻ nhất là công nghệ đóng tàu và sản xuất hàng kim khí.

Được thành lập từ năm 2003, với vị trí ở gần các công ty đóng tàu, công ty xây dựng và có kho bãi ngay gần công ty, công ty tuy mới mẻ nhưng với sự nỗ lực của anh em trong toàn công ty, Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang đã dần dần lấy được niềm tin từ phía các khách hàng. Đặc biệt là sự quan tâm của các công ty lớn như : Công ty TNHH MTV Chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng, Công ty cổ phần Lilama 69.2, Công ty Cổ phần thiết bị và cầu trục AVC (Hưng Yên), Công ty cổ phần xây dựng số 3, Công ty cổ phần Thép Hải Phòng... và một số công ty nhỏ lẻ khác. Tuy thời gian hoạt động chưa thực sự lâu dài nhưng số lượng hàng tiêu thụ của công ty đã vượt trên các công ty khác cùng ngành. Hoạt động tiêu thụ hàng của Công ty đều thông qua những đơn đặt hàng của các Nhà máy, các đơn vị kinh doanh lớn. Bên cạnh việc cung cấp theo đơn đặt hàng cho các đơn vị truyền thống, Công ty cũng bán lẻ cho các hộ gia đình, các doanh nghiệp tư nhân.

2.1.2.2 Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi, Công ty cũng gặp không ít những khó khăn và thử thách. Thị trường thế giới luôn biến động và giá xăng dầu tăng cao đã tác động tăng giá sản phẩm như: sắt, thép tăng đột biến đã tác động đến hoạt động của Doanh nghiệp. Việt Nam là một thành viên trong tổ chức thương mại thế giới cũng là thách thức đối với doanh nghiệp. Công ty không chỉ phải cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước mà còn phải cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài luôn có ưu thế về vốn và khoa học kỹ thuật cũng như trình độ quản lí . Đời sống của cán bộ công nhân viên gặp khó khăn do giá cả tiêu dùng tăng cao.

Bảng tổng doanh thu tiêu thụ qua các năm

Năm	Doanh thu tiêu thụ (đồng/năm)
2008	62.145.789.102
2009	75.770.968.310
2010	94.757.117.031

Biểu số 2.1 : Bảng tổng hợp doanh thu tiêu thụ qua các năm

Doanh thu tiêu thụ của Công ty có sự biến động qua các năm, năm 2009 so với năm 2008 tăng lên nhiều, năm 2010 doanh thu tiêu thụ của công ty tiếp tục tăng rõ rệt. Dự kiến năm 2012, Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang sẽ thực hiện việc xuất nhập khẩu hàng hoá ra nước ngoài.

Công ty luôn đặt chữ tín lên hàng đầu, đảm bảo chất lượng hàng hoá 100% theo đúng tiêu chuẩn và quy cách của nhà sản xuất vì vậy đã làm hài lòng cả những khách hàng khó tính nhất.

2.1.2.3 Phạm vi hoạt động

Mặt hàng của Công ty có nhiều chủng loại khác nhau: thép hình các loại, thép tấm, thép ống, thép tròn, thép hộp vuông,... với nhiều quy cách và tiêu chuẩn khác nhau. Hàng hoá của Công ty được nhập từ nhà máy, xưởng cán thép có uy tín, đảm bảo chất lượng, tất cả các mặt hàng đều có chứng chỉ chứng nhận chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất như Công ty Gang thép Thái Nguyên, Công ty cổ phần thép Hàn Việt, Công ty gang thép Vạn Lợi,

Khách hàng của Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang hiện nay không chỉ là những khách hàng trong nội ngoại thành Hải Phòng mà còn có cả những khách hàng thường xuyên tại các tỉnh khác như Hưng Yên, Hà Nội, Ninh Bình, Hải Dương,....Nhằm hướng tới mục tiêu ngày càng phát triển và mở rộng thị trường trong và ngoài nước, Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang dự kiến sang năm 2012 sẽ mở rộng thị trường sang các nước lân cận.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của công ty CPTM Thái Giang

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý trong Công ty cổ phần thương mại Thái Giang

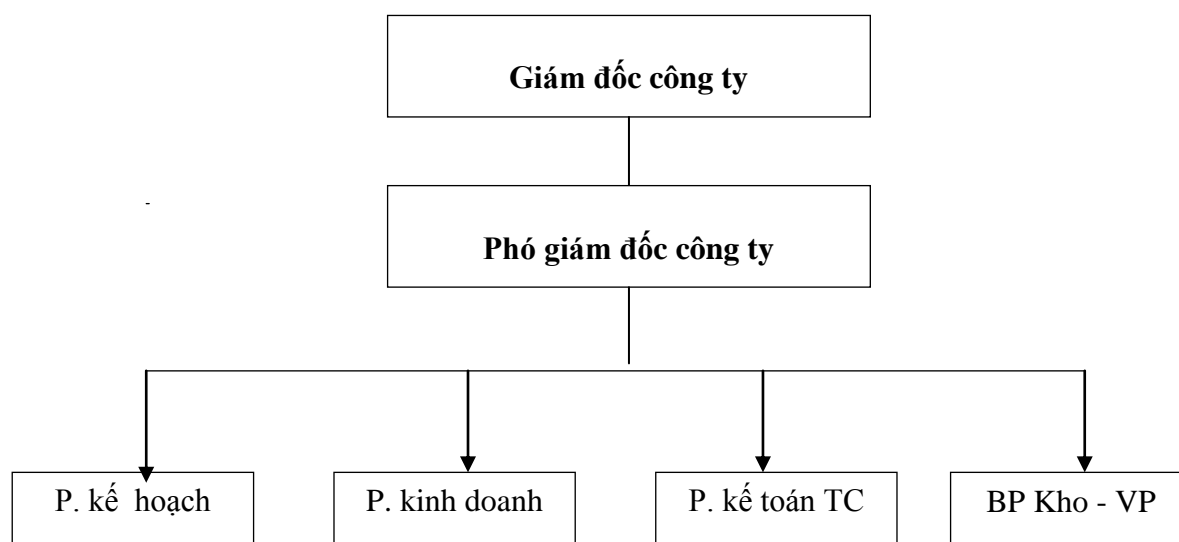
Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang được tổ chức theo mô hình cơ cấu trực tuyến từ Ban giám đốc đến các phòng ban.

Đứng đầu công ty là Giám đốc công ty, người có quyền hành cao nhất trong công ty, là người chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ quản, trước nhà nước và trước tập thể nhân viên.

Giám đốc là người trực tiếp điều phối mọi hoạt động của Công ty. Chỉ đạo cấp dưới là Phó giám đốc và các phòng ban là người lập kế hoạch sản xuất kinh

doanh, thu thập thông tin để tổ chức thực hiện phương án kinh doanh và tiến hành kiểm tra, kiểm soát kết quả hoạt động của công ty. Trong quá trình thực hiện các yêu cầu của Giám đốc, bộ phận nào có khó khăn trở ngại gì phải thông báo kịp thời để ban lãnh đạo biết, xử lý cũng như có ý kiến chỉ đạo cần thiết.

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty



2.1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban trong Công ty

2.1.3.2.1 Phó giám đốc

Phó giám đốc là người có trách nhiệm cùng với giám đốc quản lý công ty, là người truyền đạt các ý kiến chỉ đạo của Giám đốc cho các phòng ban chức năng. Các ý kiến chỉ đạo của Giám đốc là công việc mà các phòng ban phải thực hiện một cách nhanh chóng, thận trọng, chính xác và kịp thời. Phó giám đốc sẽ thông tin lại cho Giám đốc tình hình thực hiện của các phòng ban về nhiệm vụ được giao, tiến độ, khả năng thực hiện các phương án và trình lên Giám đốc công ty những phương án khác có hiệu quả hơn (nếu có), mang lại lợi ích cao hơn cho Công ty, nhằm giúp công ty có hiệu quả kinh doanh cao hơn.

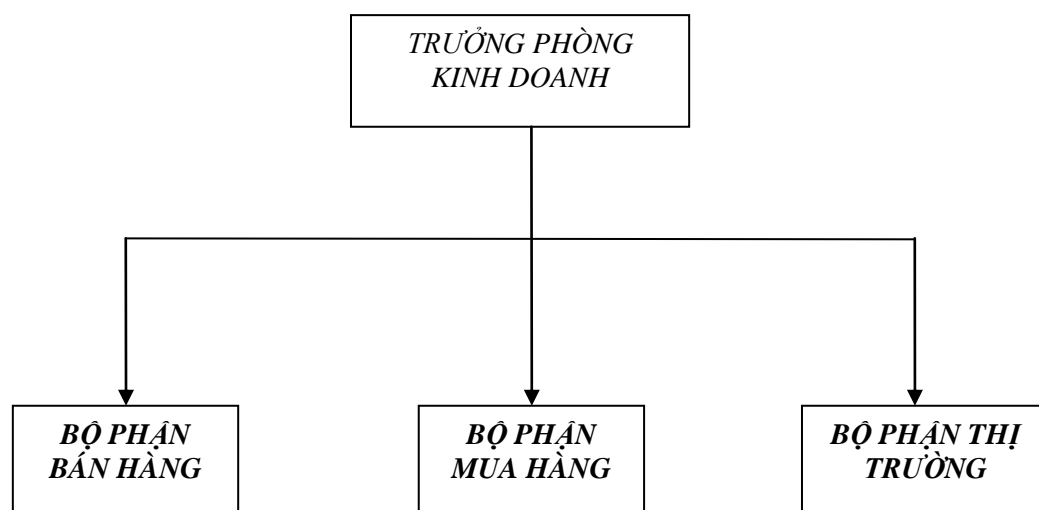
Phó giám đốc là cầu nối giữa Giám đốc và các phòng ban, Phó giám đốc cũng là người có thể thay thế Giám đốc khi Giám đốc đi công tác hoặc uỷ quyền.

2.1.3.2.2 Phòng kinh doanh

Phòng kinh doanh có nhiệm vụ cùng với giám đốc và phó giám đốc xây dựng phương án, kế hoạch kinh doanh, hoạt động theo đúng chủ trương của giám đốc. Đối với những mặt hàng tiêu thụ chậm cần phân tích tại sao, phải làm gì để khắc phục tình trạng ứ đọng hàng hoá trong kho. Đối với những mặt hàng mới lần đầu đưa vào kinh doanh cần thăm dò thị trường, nhu cầu cũng như khả năng tiếp nhận của người mua nhằm mang lại hiệu quả cao trong khâu tiêu thụ. Bên cạnh công tác nghiên cứu thị trường hàng hoá, các thành viên trong phòng cũng cần tìm những khách hàng mới nhằm giúp Công ty đứng vững trên thị trường cạnh tranh như hiện nay. Dù tập trung tìm thị trường mới nhưng vẫn phải quan tâm, chăm sóc, tạo sự tin tưởng hơn nữa đối với những khách hàng truyền thống nhằm làm tăng thêm khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Đây là phòng có chức năng vô cùng quan trọng việc tạo ra nguồn doanh thu và lợi nhuận cao cho Công ty, góp phần quyết định sự tồn tại của Công ty.

Sơ đồ 2.2: Bộ máy phòng kinh doanh



Phòng kinh doanh gồm 01 trưởng phòng và ba bộ phận hoạt động theo sự chỉ đạo của trưởng phòng kinh doanh

a. Bộ phận bán hàng

Có nhiệm vụ giao nhận hàng hoá đủ, đúng chủng loại, quy cách, số lượng theo yêu cầu. Chịu trách nhiệm giao dịch với khách hàng, thông báo về khả năng,

ngày giờ cung cấp hàng. Đảm bảo chính xác về số lượng, chất lượng, giá cả khi giao nhận hàng hoá nhằm giúp cho công tác kế toán được chính xác về số liệu.

b. Bộ phận mua hàng:

Tìm hiểu những khách hàng bán có giá thấp, đảm bảo chất lượng hàng hoá đồng thời tìm hiểu, khai thác những khách hàng mới. Sang năm 2012, Công ty dự định sẽ giao dịch với những khách hàng nước ngoài, vì vậy bộ phận này rất quan trọng trong việc tư vấn cho lãnh đạo về khách hàng nào có thể bắt tay và khách hàng nào nên nghiên cứu trước khi bắt tay.

c. Bộ phận thị trường

Tập trung thăm dò thị trường, quảng bá nhãn hiệu của công ty cho các khách hàng, thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng một cách thường xuyên, thu thập những ý kiến đóng góp từ phía khách hàng nhằm giúp cho các nhà lãnh đạo có các phương án nhằm thúc đẩy kinh doanh. Đồng thời, những thành viên thuộc bộ phận này cũng cần nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước để có thể đưa ra các phương án giúp nhà quản trị có định hướng đúng đắn trong việc thúc đẩy tiêu thụ hàng hoá, tăng doanh thu và lợi nhuận.

Thường xuyên có những báo cáo chính xác, kịp thời về tình hình thị trường hàng hoá cũng như thị trường giá cả của các mặt hàng trong và ngoài nước nhằm giúp cho Ban giám đốc có những kế hoạch kịp thời, đúng đắn.

2.1.3.2.3 Phòng kế hoạch

Đây là phòng có nhiệm vụ phải đưa ra được những chiến lược kinh doanh cho Công ty, nhằm giúp Công ty ngày một phát triển. Trong từng giai đoạn cụ thể phải có những kế hoạch giúp lãnh đạo Công ty có quyết định nhằm thúc đẩy sự phát triển của Công ty.

2.1.3.2.4 Bộ phận kho - Văn phòng

Đây là nơi giải quyết những công việc mang tính chất hành chính tại Công ty

2.1.3.2.5 Phòng kế toán tài chính

Đây là phòng có nhiệm vụ thu thập số liệu, quản lý và kiểm tra tính chính xác của số liệu, kiểm soát các hoạt động thanh toán, hạch toán nhằm báo cáo kịp

thời cho giám đốc công ty, nhằm giúp Giám đốc có những biện pháp kịp thời về tình hình tài chính của công ty.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty CPTM Thái Giang

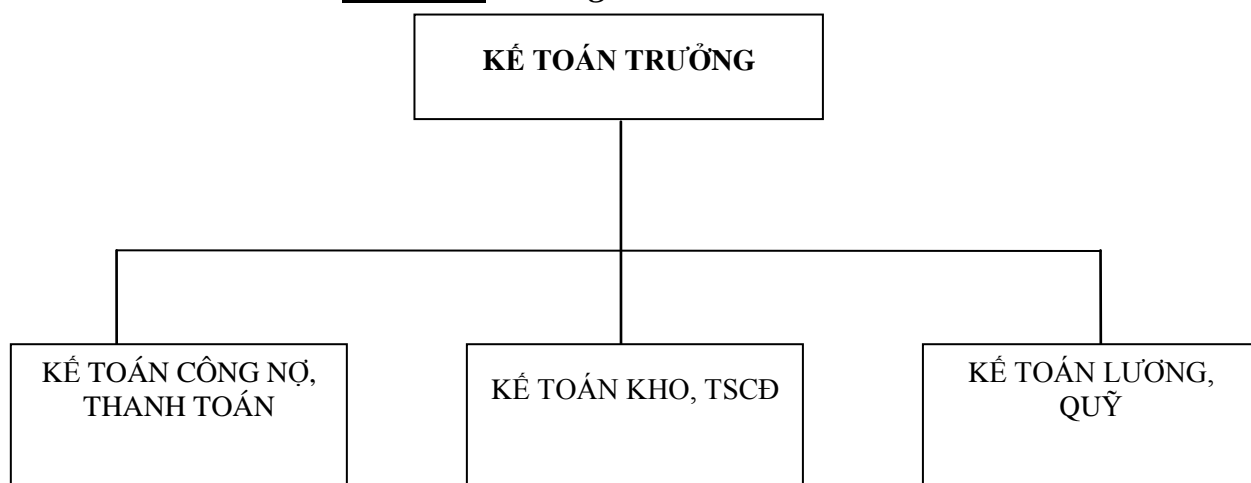
Trong nền kinh tế ngày càng đổi mới, thì việc quản lý kinh tế tài chính có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành trong các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vì vậy việc tổ chức tốt công tác kế toán, đúng chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước sẽ giúp cho lãnh đạo công ty nắm bắt được tình hình chung toàn Công ty.

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ phòng kế toán tài chính của công ty như sau:

Sơ đồ 2.3: Phòng kế toán tài chính



Đứng đầu phòng kế toán là Kế toán trưởng, có chức năng thu thập thông tin, xử lý thông tin từ các bộ phận, cung cấp thông tin cho công tác quản lý, đưa ra những biện pháp giúp Giám đốc thực hiện tốt các kế hoạch tài chính và các báo cáo theo quy định của Nhà nước.

Chịu sự chỉ đạo, điều hành của kế toán trưởng là kế toán công nợ - thanh toán, kế toán kho - TSCĐ, kế toán lương - quỹ.

a. Kế toán công nợ - thanh toán

Chịu trách nhiệm theo dõi các khoản phải thu, phải trả khách hàng một cách chính xác, đối chiếu công nợ với khách hàng thường xuyên, thanh toán cho khách hàng đúng hạn nhằm tạo sự tin cậy làm ăn lâu dài ở khách hàng.

Kế toán công nợ - thanh toán còn phải theo dõi số dư tài khoản tại ngân hàng để thông báo kịp thời cho Giám đốc công ty.

b. Kế toán kho - TSCĐ

Có nhiệm vụ theo dõi lượng hàng nhập - xuất - tồn kho, phản ánh giá trị hiện thời và tình hình tăng giảm các loại hàng hoá trong Công ty, phát hiện hàng còn ứ đọng để thông báo cho cấp trên có biện pháp tiêu thụ kịp thời, đối chiếu với phòng vật tư. Khi phát hiện có sự chênh lệch hàng hoá trong thực tế với sổ sách cần kiểm tra, xác minh nguyên nhân rồi thông báo cho cấp trên.

Ghi chép, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời số hiện có và tình hình tăng giảm TSCĐ của Công ty nói chung và của từng bộ phận trong Công ty nói riêng. Tính toán chính xác, kịp thời số liệu khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí khấu hao TSCĐ vào các đối tượng sử dụng TSCĐ. Đặc biệt nhiệm vụ của kế toán TSCĐ là phải kiểm tra chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ.

c. Kế toán lương - quỹ

Tính toán chính xác chế độ các khoản tiền lương, thưởng. Phản ánh đầy đủ các khoản tình hình thanh toán đối với nhân viên trong Công ty.

Thủ quỹ: là người thực hiện việc thu chi tiền mặt tại quỹ của Công ty.

Công việc kế toán đều được thực hiện tập trung tại phòng kế toán tạo điều kiện cho lãnh đạo công ty nắm bắt được kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty từ đó đưa ra những biện pháp kịp thời cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

2.1.4.2 Đặc điểm chính sách và phương pháp kế toán công ty áp dụng

2.1.4.2.1 Các chính sách kế toán chung

Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, mọi công việc kế toán được thực hiện tập trung tại phòng kế toán của Công ty.

- * Niên độ kế toán được tính từ 01/01/N đến 31/12/N
- * Đơn vị sử dụng trong ghi chép sổ kế toán : VNĐ
- * Hình thức sổ kế toán áp dụng : *Nhật ký chung*
- * Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: *Phương pháp kê khai thường xuyên*

* Phương pháp tính giá xuất kho: *Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập*

* Phương pháp tính thuế GTGT: *Phương pháp khấu trừ*

2.1.4.2.2 Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán.

Toàn bộ chứng từ kế toán do công ty lập hay từ bên ngoài về đều được tập hợp tại phòng kế toán. Các thành viên trong phòng tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính chính xác, tính hợp pháp của chứng từ, từ đó những chứng từ đã có đầy đủ thủ tục pháp lý cũng như tính hợp lệ sẽ được ghi sổ kế toán, còn lại sẽ được lưu giữ, bổ sung sau.

Về hoá đơn bán hàng, Công ty sử dụng hoá đơn GTGT theo đúng quy định hiện hành của Tổng Cục thuế và Bộ tài chính.

2.1.4.2.3 Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán

Việc sử dụng tài khoản kế toán được Công ty tuân thủ theo quy định của hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam được ban hành *tại quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*. Để thuận tiện cho việc quản lý và kiểm tra Công ty cổ phần thương mại Thái Giang mở thêm các cấp tài khoản chi tiết hoặc đặt mã số cho các đối tượng, đặc biệt là các mặt hàng trong kho.

2.1.4.2.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán

* Công ty áp dụng hình thức sổ "Nhật ký chung", rất thuận tiện, phù hợp với quy mô của Công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác và kịp thời.

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

* Hình thức ghi sổ: *kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký chung*.

* Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC .

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B-01/DNN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B-02/DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B-03/DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B-09/DNN).

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Thái Giang

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ Công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang là một công ty thương mại, hoạt động bán hàng của công ty là bán buôn, bán lẻ thép các loại.

➤ Các phương thức tiêu thụ tại công ty:

- Bán buôn : bán cho các doanh nghiệp, tổ chức, các đơn vị truyền thống.

- Bán lẻ : bán cho các cửa hàng nhỏ, lẻ, cửa hàng tư nhân.

➤ Các phương thức thanh toán tiền hàng tại công ty:

Để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm đồng thời để phù hợp với khả năng thanh toán của mọi khách hàng, Công ty đa dạng hóa các phương thức thanh toán để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng. Các phương thức thanh toán chủ yếu là:

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: hình thức thanh toán này áp dụng đối với khách hàng mua lẻ thép các loại trực tiếp tại cửa hàng hoặc đối với khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.

- Thanh toán qua ngân hàng: hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi công ty thực hiện giao hàng xong, bản thân người bán ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Đồng tiền phát sinh là tiền ghi sổ chứ không phải là tiền thực tế.

- Bán chịu: áp dụng với khách hàng có quan hệ thường xuyên, có độ tin cậy với Công ty hoặc mua hàng với số lượng lớn. Khách hàng nhận được hàng chưa trả tiền hoặc trả một phần tiền và ghi nợ với Công ty.

2.2.1.1 Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán doanh thu bán hàng của Công ty kế toán sử dụng TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tài khoản này kế toán công ty không theo dõi chi tiết trên tài khoản cấp 2.

Đồng thời với việc phản ánh doanh thu, kế toán còn phải theo dõi tình hình thanh toán với khách hàng nên công ty còn phải sử dụng một số tài khoản liên quan như: TK 112 – Tiền gửi ngân hàng, TK 131 – Phải thu của khách hàng.

Công ty không sử dụng TK 532 - giảm giá hàng bán.

Công ty không sử dụng TK 531 – Hàng bán bị trả lại, hàng hoá của công ty luôn đảm bảo chất lượng và không vi phạm hợp đồng kinh tế nên không phát sinh trường hợp hàng bán bị trả lại.

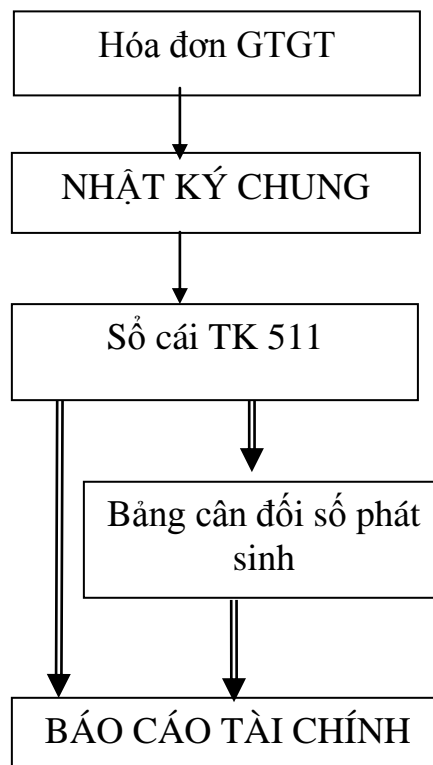
2.2.1.2 Chứng từ sử dụng

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, yêu cầu của khách hàng đối với công ty về việc mua bán các sản phẩm của công ty, căn cứ vào thời hạn giao hàng đã thỏa thuận, khi sản phẩm được xuất khỏi kho của công ty và chuyển tới khách hàng thì số hàng này được coi là tiêu thụ và được khách hàng chấp nhận. Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, phòng tiêu thụ viết hóa đơn GTGT.

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.3 Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng

Sơ đồ 2.4 : Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ (cuối kỳ, cuối tháng)
- - - - -> Quan hệ đối chiếu

Hàng ngày căn cứ vào hóa đơn GTGT đã được kiểm tra kế toán làm căn cứ ghi Sổ nhật ký chung , từ Sổ nhật ký chung chuyển số liệu vào Sổ cái TK 511.

Định kỳ cuối mỗi tháng,cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên sổ cái chuyển số liệu vào Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra lại số liệu trên Bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

VÍ DỤ 2.1 : HĐGTGT số 0060162 ngày 25/12/2010 công ty xuất kho thép bán cho công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí. Đơn giá chưa thuế VAT 10% là 18.000đ công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 1111 : 17.677.440

Có TK 3331 : 1.607.040

Có TK 511 : 16.070.400

Tổng cộng tiền hàng là 16.070.400 đ

Thuế GTGT là 1.607.040 đ

Tổng tiền thanh toán là 17.677.440 đ

Thủ kho viết phiếu xuất kho với số lượng theo yêu cầu của khách hàng.

Từ phiếu xuất kho kế toán viết hóa đơn GTGT thành 3 liên:

-Liên 1: màu tím để lưu lại chứng từ gốc.

-Liên 2: màu đỏ giao cho khách hàng.

-Liên 3: màu xanh lưu nội bộ.

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0060162(Biểu số 2.2) kế toán ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4) ,từ Sổ nhật ký chung vào Sổ Cái TK 511(Biểu số 2.5).

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT -3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		QH/2010B			
Liên 3: Nội bộ		0060162			
<i>Ngày 25 tháng 12 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng:.....		CÔNG TY CPTM THÁI GIANG			
Địa chỉ:.....		105 Lâm Sơn - Sở Dầu - Hồng Bàng - Hải Phòng			
Số tài khoản:.....		MST: 0200534866			
Điện thoại:.....					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí					
Địa chỉ : Tầng 4+5+6 Tòa nhà San Nam.P.Dịch Vọng Hậu,Cầu Giấy, Hà Nội					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS: 0104263109					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép U150x15x6,5x12,0m	Kg	892,8	18.000	16.070.400
Cộng tiền hàng:					16.070.400
Thuế suất GTGT 10%					Tiền thuế GTGT: 1.607.040
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.677.440
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký, đóng dấu)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.2 : Hóa đơn GTGT số 0060162

Đơn vị: **CÔNG TY CPTM THÁI GIANG**

Mẫu số: **01- TT**

Địa chỉ: **Số 105 Lâm Sơn-Sở Dầu**

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số:

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Số: 12

Nợ 1111 : 17.677.440

Có 3331 : 1.607.040

Có 511 : 16.070.400

Họ tên người nộp tiền: **Vũ Hùng-C ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí**

Địa chỉ: **Tầng 4+5+6 Tòa nhà San Nam.P.Dịch Vọng Hậu,Cầu Giấy, Hà Nội**

Lý do thu: **Xuất bán hàng hóa**

Số tiền: **17.677.440 VND** (viết bằng chữ) **Mười bảy triệu ,sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng chẵn ./.**

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc : **HĐ 0060162**

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Đã ký tên, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): **Mười bảy triệu ,sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng chẵn ./.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Biểu số 2.3 : Phiếu thu số 12

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
 CÔNG TY CPTM THÁI GIANG
 Số 105 Lâm Sơn-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	DGS C	STT đồng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				51.245.256	51.245.256
18/01	GBN1801	18/01	Phí chuyển tiền	x	23	635	101.061	
18/01	GBN1801	18/01	Phí chuyển tiền	x	24	1122		101.061
...
11/12	HD 001244	11/12	Xuất bán hàng hoá	x	4.032	131	133.181.778	
11/12	HD 001244	11/12	Xuất bán hàng hoá	x	4.034	33311		12.107.434
11/12	HD 001244	11/12	Xuất bán hàng hoá	x	4.035	511		121.074.344
...
13/12	HD 001245	13/12	Xuất bán hàng hoá	x	4.032	131	238.035.923	
13/12	HD 001245	13/12	Xuất bán hàng hoá	x	4.034	33311		21.639.629
13/12	HD 001245	13/12	Xuất bán hàng hoá	x	4.035	511		216.396.294
...
25/12	HD 0060162	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.197	1111	17.677.440	
25/12	HD 0060162	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.198	511		16.070.400
25/12	HD 0060162	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.199	3331		1.607.040
25/12	PX2512	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.200	632	11.745.689	
25/12	PX2512	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.201	156		11.745.689
...
TỔNG CỘNG							662.589.258.853	662.589.258.853

- Sổ này có 194 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 194

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4 : Trích sổ nhật ký chung năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CPTM THÁI GIANG

Mẫu số S03b-DN

Đ/C Số 105 Lâm Sản-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2010

Tên tài khoản: **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Số hiệu: 511

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
02/01	HD 009582	02/01	Xuất bán hàng hoá	131		652.151.787
...
12/02	HD 009583	12/02	Xuất bán hàng hoá	131		171.749.186
...
18/02	HD009587	18/02	Xuất bán hàng hoá	131		216.396.294
...
11/12	HD 001243	11/12	Xuất bán hàng hoá	131		190.731.294
11/12	HD 001244	11/12	Xuất bán hàng hoá	131		121.074.344
..
25/12	HD0060162	25/12	Xuất bán hàng hoá	1111		16.070.400
31/12	PKT42	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	94.757.117.031	
			Cộng phát sinh		94.757.117.031	94.757.117.031
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có 85 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 85

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5 : Trích sổ cái TK 511

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1 Phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho để bán

+ Giá vốn hàng bán là giá đã bao gồm toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan đến thu mua.

+ Giá vốn của hàng bán được xác định theo *phương pháp bình quân liên hoàn* (bình quân sau mỗi lần nhập). Công ty áp dụng phương pháp *hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*.

Trị giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất x Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá tồn sau mỗi lần xuất} + \text{Trị giá nhập}}{\text{Số lượng tồn} + \text{Số lượng nhập}}$$

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng, chứng từ sử dụng.

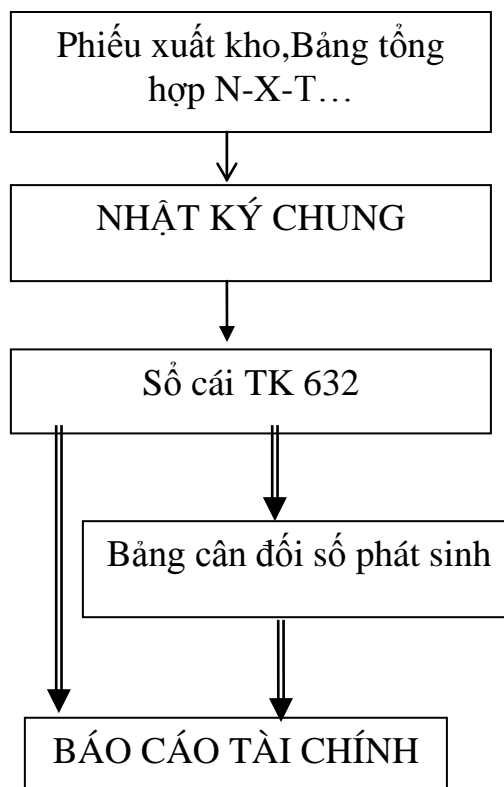
- Để hạch toán giá vốn hàng bán kế toán sử dụng TK 632 – “Giá vốn hàng bán”. Tài khoản này kế toán công ty không theo dõi chi tiết trên tài khoản cấp 2.

2.2.2.3 Chứng từ sử dụng

- Bảng tổng hợp nhập- xuất -tồn hàng hoá.
- Phiếu xuất kho

2.2.2.4 Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán

Sơ đồ 2.5 : Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ (cuối kỳ, cuối tháng)
- > Quan hệ đối chiếu

Hàng ngày căn cứ vào phiếu xuất kho, bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn đã được kiểm tra kế toán làm căn cứ ghi Sổ nhật ký chung , từ Sổ nhật ký chung vào Sổ cái TK 632.

Định kỳ cuối mỗi tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên Sổ cái chuyển số liệu vào Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra số liệu ghi trên Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

VÍ DỤ 2.2 : (Lấy lại ví dụ 2.1) Ngày 25/12/2010 công ty xuất kho thép bán cho công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí. Đơn giá chưa thuế VAT 10% là 18.000đ , công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Cách tính đơn giá xuất kho, giá vốn cho thép xuất bán ngày 25/12/2010 theo hóa đơn GTGT số 0060162 là:

- Ngày 23/12 Tồn: (Số lượng) 26.875,4 x (Đơn giá) 13.590 = 365.236.686

- Ngày 24/12 Nhập: (SL) 10.160,2 x (ĐG) 12.008 = 122.003.681,6

$$\begin{aligned} \text{Cuối ngày 24/12 đơn} &= \frac{365.236.686 + 122.003.681,6}{\text{giá bình quân}} \\ &= \frac{365.236.686 + 122.003.681,6}{26.875,4 + 10.160,2} \\ &= 13.156 \end{aligned}$$

- Ngày 25/12: xuất (SL) 892,8 x (ĐG) 13.156 = 11.745.689

→ Đơn giá xuất kho thép xuất bán : 892,8 x 13.156 = 11.745.689

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 11.745.689

Có TK 156 : 11.745.689

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 2512 ngày 25/12/2010 (Biểu số 2.6) kế toán ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4), từ Sổ nhật ký chung vào Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.7). Định kỳ từ Sổ cái 632 kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra lại số liệu kế toán vào Báo cáo tài chính. Công ty không mở Sổ chi tiết của TK 632

Đơn vị: CÔNG TY CPTM THÁI GIANG

Mẫu số:02-VT

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Số: 2512

Nợ 632:11.745.689

Có 156:11.745.689

Họ tên người nhận hàng: Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí

- Địa chỉ(Bộ phận): Cầu Giấy – Hà Nội

- Lý do xuất kho: Xuất bán hàng hóa

- Xuất tại kho(ngăn lô) Địa điểm:

STT	Tên vật tư	MS	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép U150x15x6,5x16,0m		Kg	892,8	892,8	13.156	11.745.689
	Cộng	x	x	x	x	x	11.745.689

-Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Mười một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng ./.

-Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 25 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(đã ký)

Biểu số 2.6 : Phiếu xuất kho số 2512

Đơn vị: CÔNG TY CPTM THÁI GIANG

Mẫu số:S03a-DNN

Đ/c : Số 105 Lâm Sơn-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT đồng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		1.951		352.427.847	352.427.847
01/06	PC01	01/06	Thanh toán tiền mua dầu,nhớt	x	1.952	1331	312..800	
01/06	PC01	01/06	Thanh toán tiền mua dầu,nhớt	x	1.953	641	1.519.999	
01/06	PC01	01/06	Thanh toán tiền mua dầu,nhớt	x	1.954	1331	124.091	
01/06	PC01	01/06	Thanh toán tiền mua dầu,nhớt	x	1.955	641	2.948.509	
01/06	PC01	01/06	Thanh toán tiền mua dầu,nhớt	x	1.956	1111		1.832.799
01/06	PC01	01/06	Thanh toán tiền mua dầu,nhớt	x	1.957	1111		3.072.600
...
01/12	PN0112	01/12	Nhập kho hàng hoá	x	4.259	1331	993.000	
01/12	PN0112	01/12	Nhập kho hàng hoá	x	4.260	156	9.930.000	
01/12	PN0112	01/12	Nhập kho hàng hoá	x	4.261	1111		10.923.000
...
25/12	HD0060162	25/12	Xuất bán hàng hoá	x	4.264	1111	17.677.440	
25/12	HD0060162	25/12	Xuất bán hàng hoá	x	4.265	511		16.070.400
25/12	HD0060162	25/12	Xuất bán hàng hoá	x	4.266	3331		1.607.040
25/12	PX2512	25/12	Xuất bán hàng hoá	x	4.262	632	11.745.689	
25/12	PX2512	25/12	Xuất bán hàng hoá	x	4.263	156		11.745.689
...
TỔNG CỘNG							662.589.258.853	662.589.258.853

- Sổ này có 194 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 194

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4 : Trích sổ nhật ký chung năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CPTM THÁI GIANG

Mẫu số S03b-DN

Đ/C: Số 105 Lâm Sản-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2010

Tên tài khoản: **Giá vốn hàng bán**

Số hiệu: **632**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
02/01	PX0201	02/01	Xuất bán hàng hoá	156	592.399.229	
02/01	PX0201	02/01	Xuất bán hàng hoá	156	55.341.781	
..
01/02	PX0102	01/02	Xuất bán hàng hoá	156	12.478.425	
01/02	PX0102	01/02	Xuất bán hàng hoá	156	29.145.265	
...
01/10	PX0110	01/10	Xuất bán hàng hoá	156	562.123.456	
02/10	PX0210	02/10	Xuất bán hàng hoá	156	123.789.142	
...
02/11	PX0211	02/11	Xuất bán hàng hoá	156	45.125.360	
02/11	PX0211	02/11	Xuất bán hàng hoá	156	70.145.254	
02/11	PX0211	02/11	Xuất bán hàng hoá	156	478.145.111	
...	
25/12	PX2512	25/12	Xuất bán hàng hoá	156	11.745.689	
			Cộng phát sinh		93.018.365.203	93.018.365.203
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có 89 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 89

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7 : Trích sổ cái TK 632 năm 2010

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh của công ty bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

* Chi phí bán hàng là những chi phí cho công tác bán hàng và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động bán hàng của doanh nghiệp. *Chi phí bán hàng chủ yếu của công ty bao gồm:*

- Chi phí trả lương cho nhân viên bán hàng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí thanh toán tiền mua xăng , dầu, nhớt
- Chi phí thanh toán tiền cước vận chuyển

* Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp. *Chi phí quản lý doanh nghiệp chủ yếu của công ty bao gồm:*

- Chi phí trả lương cho nhân viên
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí mua văn phòng phẩm
- Lệ phí ngân hàng
- Tiền điện thoại
- Chi phí bằng tiền khác: chi phí tiếp khách, thuê môn bài....

2.2.3.1 Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 642 để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh. Trong đó sử dụng hai tài khoản chi tiết của TK 642 là :

TK 6421 : Chi phí bán hàng

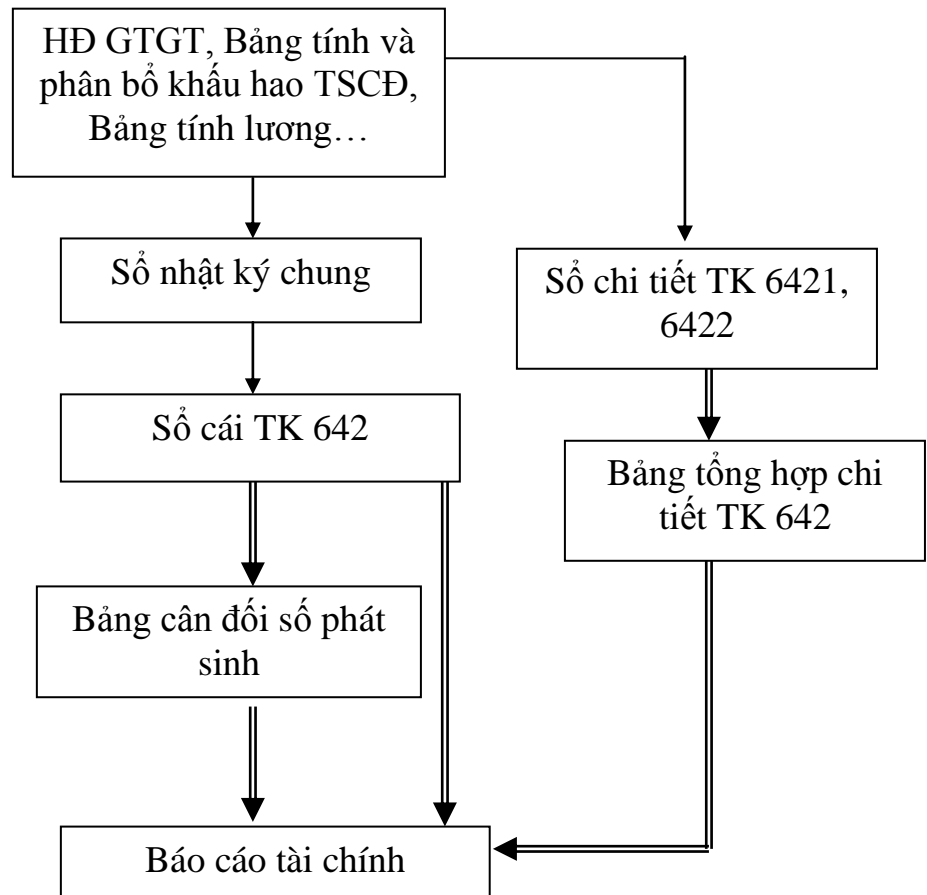
TK 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.2 Chứng từ sử dụng

- Bảng lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Hoá đơn GTGT
- Giấy báo nợ, Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.3 **Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh:**

Sơ đồ 2.6 : Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



Chú thích:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow \dots \longrightarrow$

Hàng tháng kế toán căn cứ vào bảng thanh toán lương, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, giấy báo nợ của ngân hàng... để tập hợp chi phí thực tế phát sinh sau đó kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung sau đó vào Sổ cái TK 642.

Định kỳ cuối mỗi tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên sổ cái chuyển số liệu vào bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ chi tiết TK 6421, Sổ chi tiết TK 6422 kết toán vào Bảng tổng hợp chi tiết TK 642. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Trong tháng khi phát sinh chi phí quản lý kinh doanh kế toán căn cứ vào các hóa đơn chứng từ liên quan để hạch toán.

Nợ TK 642:

Nợ TK 133 (nếu có):

Có TK 111, 112, 334, 214...

VÍ DỤ 2.3: Bảng tính và thanh toán lương cho nhân viên bán hàng tháng 12/2010 như sau:

Căn cứ vào bảng tính lương, phiếu chi kế toán ghi vào sổ kế toán có liên quan theo định khoản như sau:

Tính lương phải trả T12/2010:

Nợ TK 6421 : 17.600.000

Có TK 334 : 17.600.000

Thanh toán lương T12/2010:

Nợ TK 334 : 39.200.000

Có TK 111 : 39.200.000

(Công ty không tham gia đóng bảo hiểm xã hội và cũng không tính lương theo hệ số chung đã quy định).

Công ty CPTM Thái Giang tính lương cho một lao động theo hình thức lương khoán , không tính bảo hiểm, và cũng không tính và trích các khoản trích theo lương theo quy định.

Cách tính lương:

Lương của một công nhân :

Lương thực lĩnh = Lương + phụ cấp

Ví dụ: tính lương cho Giám đốc Phạm Văn Giang:

Lương thực lĩnh / tháng = Lương + phụ cấp

=4.200.000đ +200.000đ

= 4.400.000đồng / tháng

Căn cứ vào Bảng chấm công (Biểu số 2.8), Bảng thanh toán lương(Biểu số 2.9) kế toán ghi Sổ nhật ký chung(Biểu số 2.4) , từ Sổ nhật ký chung kế toán ghi Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.11),từ Bảng thanh toán lương kế toán vào Sổ chi tiết tài khoản 6421(Biểu số 2.12).

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 12 năm 2010

STT	Họ và tên	Chức danh	Bộ phận	Ngày trong tháng					Số công
				1	2	3	31	
1	Phạm Văn Giang	Giám đốc	Quản lý	x	x	x	...	x	27
2	Phạm Quốc Hình	P.Giám đốc	Quản lý	x	x	x	...	x	27
3	Phạm Tiến Dũng	TP.Kinh doanh	Quản lý	x	x	x	...	x	27
4	Nguyễn Sỹ Chương	Nhân viên	Bán hàng	x	x	x	...	x	27
5	Lê Quốc Cường	Nhân viên	Bán hàng	x	x	x	...	x	27
6	Hoàng Hải Đăng	Nhân viên	Bán hàng	x	x	x	...	x	27
7	Đào Văn Tiến	Thủ kho	Bán hàng	x	x	x	...	x	27
8	Nguyễn Sỹ Chung	Nhân viên	Bán hàng	x	x	x	...	x	27
9	Vũ Thị Hồng Giang	TP. Kế toán	Quản lý	x	x	x	...	x	27
10	Nguyễn Hà Minh	Nhân viên	Quản lý	x	x	x	...	x	27
11	Lê Đình Tuấn	Nhân viên	Quản lý	x	x	x	...	x	27
12	Đào Khánh Phương	Nhân viên	Bán hàng	x	x	x	...	x	27
13	Nguyễn Xuân Thắng	Lái xe	Bán hàng	x	x	x	...	x	27
14	Phạm Năng Nam	Lái xe	Bán hàng	x	x	x	...	x	27
15	Đào Văn Thiết	Nhân viên	Bán hàng	x	x	x	...	x	27
		Tổng cộng							405

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người chấm công
(đã ký)

Phụ trách bộ phận
(đã ký)

Người duyệt
(đã ký)

Biểu số 2.8 : Bảng chấm công tháng 12 năm 2010

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG
Tháng 12 năm 2010

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	BỘ PHẬN	LƯƠNG	PHỤ CẤP	THỰC LINH
1	Phạm Văn Giang	Giám đốc	Quản lý	4.200.000	200.000	4.400.000
2	Phạm Quốc Hình	P.Giám đốc	Quản lý	3.600.000	200.000	3.800.000
3	Phạm Tiến Dũng	TP.Kinh doanh	Quản lý	1.800.000	200.000	3.000.000
4	Nguyễn Sỹ Chương	Nhân viên	Bán hàng	2.100.000	200.000	2.300.000
5	Lê Quốc Cường	Nhân viên	Bán hàng	2.100.000	200.000	2.300.000
6	Hoàng Hải Đăng	Nhân viên	Bán hàng	2.100.000	200.000	2.300.000
7	Đào Văn Tiến	Thủ kho	Bán hàng	2.400.000	200.000	2.600.000
8	Nguyễn Sỹ Chung	Nhân viên	Bán hàng	2.100.000	200.000	2.300.000
9	Vũ Thị Hồng Giang	TP. Kế toán	Quản lý	2.800.000	200.000	3.000.000
10	Nguyễn Hà Minh	Nhân viên	Quản lý	2.300.000	200.000	2.500.000
11	Lê Đình Tuấn	Nhân viên	Quản lý	2.300.000	200.000	2.500.000
12	Đào Khánh Phương	Nhân viên	Bán hàng	2.000.000	200.000	2.200.000
13	Nguyễn Xuân Thắng	Lái xe	Bán hàng	1.700.000	200.000	1.900.000
14	Phạm Năng Nam	Lái xe	Bán hàng	1.800.000	200.000	2.000.000
15	Đào Văn Thiết	Nhân viên	Bán hàng	2.100.000	200.000	2.300.000
Tổng cộng				36.200.000	3.000.000	39.200.000

Biểu số 2.9 : Bảng thanh toán lương tháng 12 năm 2010

VÍ DU 2.4: Căn cứ vào Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ năm 2010 (Biểu số 2.10) kế toán vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4), từ Sổ nhật ký chung vào Sổ cái TK 642(Biểu số 2.11) , đồng thời căn cứ vào Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ năm 2010 kế toán vào Sổ chi tiết tài khoản 6422(Biểu số 2.13).

Công ty tính khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng, khấu hao từng tháng và phân bổ vào cuối tháng.

- Xác định giá trị khi ghi nhận ban đầu TSCĐ HH

TSCĐHH phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá.

		Các				
Nguyên giá	Gía mua ghi trên	khoản chiết khấu thương	Các khoản thuế không + được hoàn lại	Các chi phí liên quan trực tiếp tính đến thời điểm đưa vào sẵn sàng sử dụng	Giá trị sản phẩm thu hồi qua chạy thử	
=	- hóa đơn	+ mại, giảm giá hàng mua được hưởng		TS		

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: trên cơ sở thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính, doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính khấu hao đường thẳng (khấu hao đều). Theo phương pháp này số khấu hao hàng năm không thay đổi trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của sản phẩm.

- Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Công ty trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng:

Cách tính khấu hao cho xe gắn cầu:

+ Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho xe gắn cầu:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân năm} = \frac{1.223.809.524}{10} = 122.380.952$$

+ Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng tháng cho xe gắn cầu:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tháng} = \frac{122.380.952}{12} = 10.198.413$$

CÔNG TY CPTM THÁI GIANG

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ
Năm 2010

Đơn vị tính : Đồng

S T T	TÊN TSCĐ	TỶ LỆ KH (%)	THỜI GIANSĐ	NGUYÊN GIÁ	SỐ KH ĐÃ TRÍCH	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	KHẤU HAO								TỔNG GTHM	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
							T1	T2	T3	T4	T5	T6	T12			
1	Ô tô con	8,33%	14/1/07	749.392.586	184.965.357	564.427.229	5.202.034	5.202.034	5.202.034	5.202.034	5.202.034	5.202.034	5.202.034	62.424.408	502.002.821	
2	Ô tô tài	33,40%	23/05/07	86.458.657	74.599.411	11.859.246	2.406.433	2.406.433	2.406.433	2.406.433	2.233.515	-	...	-	11.859.247	-	
3	Máy fax	50,00%	12/05/05	6.185.273	6.185.273	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Máy tính	50,00%	02/05/05	6.445.524	6.445.524	-	-	-	-	-	-	-	...	-	-	-	
5	Điều hoà	25,00%	26/05/05	13.933.334	12.554.310	1.379.024	290.278	290.278	290.278	290.278	217.913	-	...	-	1.379.025	-	
6	Điện thoại	33,33%	04/04/08	13.181.818	7.689.394	5.492.424	366.162	366.162	366.162	366.162	366.162	366.162	366.162	4.393.944	1.098.480	
7	Máy tính	50,00%	18/06/09	14.740.000	4.299.167	10.440.833	614.167	614.167	614.167	614.167	614.167	614.167	...	614.167	7.370.004	3.070.829	
8	Ô tô con	8,33%	18/06/09	743.623.364	36.133.899	707.489.465	5.161.986	5.161.986	5.161.986	5.161.986	5.161.986	5.161.986	...	5.161.986	61.943.832	645.545.633	
9	Tivi+t ủ lạnh	33,33%	17/10/09	72.500.000	6.041.667	66.458.333	2.013.889	2.013.889	2.013.889	2.013.889	2.013.889	2.013.889	...	2.013.889	24.166.668	42.291.665	
1 0	Xe cầu	10,00%	01/02/10	1.223.809.524		1.223.809.524		10.198.413	10.198.413	10.198.413	10.198.413	10.198.413	...	10.198.413	112.182.543	1.111.626.981	
TỔNG				2.930.270.080	338.914.001	2.591.356.079	16.054.949	26.253.362	26.253.362	26.253.362	26.253.362	26.008.079	23.556.651	...	23.556.651	285.719.617	2.305.636.410

Biểu số 2.10 : Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ năm 2010

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
 CÔNG TY CPTM THÁI GIANG
 Số 105 Lâm Sơn-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT đồng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
31/01	BPBKH	31/01	Trích KH TSCĐ T01	x	435	6422	16.054.949	
31/01	BPBKH	31/01	Trích KH TSCĐ T01	x	436	214		16.054.949
02/01	PKT 25	02/01	thuế môn bài năm 2010	x	35	6422	2.000.000	
02/01	PKT 25	02/01	thuế môn bài năm 2010	x	36	3338		2.000.000
...
05/01	PC06	05/01	Thanh toán tiền tiếp khách	x	66	642	1.858.000	
05/01	PC06	05/01	Thanh toán tiền tiếp khách	x	67	1111		1.858.000
...
31/01	BTTLT1	31/01	Lương phải trả	x	385	6421	18.300.000	
31/01	BTTLT1	31/01	Lương phải trả	x	386	6422	19.700.000	
31/01	BTTLT1	31/01	Lương phải trả	x	387	334		38.000.000
31/01	BPBKH	31/01	Trích khấu hao hàng tháng	x	388	6422	16.054.949	
31/01	BPBKH	31/01	Trích khấu hao hàng tháng	x	389	214		16.054.949
...
30/11	BPBKH	30/11	Trích KH TSCĐ T11	x	4.111	6422	23.556.651	
30/11	BPBKH	30/11	Trích KH TSCĐ T11	x	4.112	214		23.556.651
...
31/12	BTTLT12	31/12	Lương phải trả T12	x	4.590	6421	17.600.000	
31/12	BTTLT12	31/12	Lương phải trả T12	x	4.591	6422	21.600.000	
31/12	BTTLT12	31/12	Lương phải trả T12	x	4.592	334		39.200.000
..
31/12	BPBKH	31/12	Trích KHTSCĐ T12	x	4.595	6422	23.556.651	
31/12	BPBKH	31/12	Trích KHTSCĐ T12	x	4.596	214		23.556.651
TỔNG CỘNG							662.589.258.853	662.589.258.853

- Sổ này có 194 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 194
 - Ngày mở sổ : 01/01/2010

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4 : Trích sổ nhật ký chung năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CPTM THÁI GIANG
Đ/C Số 105 Lâm Sơn-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2010

Tên tài khoản: **Chi phí quản lý kinh doanh**

Số hiệu: 642

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
02/01	PKT 25	02/01	thuế môn bài năm 2010	3338		
...
05/01	PC06	05/01	Thanh toán tiền tiếp khách	1111	1.858.000	
07/01	PC07	07/01	Thanh toán tiền mua xăng	1111	711.818	
...
31/01	BTTL T1	31/01	Lương phải trả	334	19.700.000	
31/01	BPBKH	31/01	Trích KH TSCĐ T1	214	16.054.949	
...
28/02	BTTLT2	28/02	Lương phải trả T02	334	19.700.000	
...
30/11	BPBKH	30/11	Trích KH TSCĐ T11	214	23.556.651	
...
31/12	BTTLT12	31/12	Lương phải trả	334	39.200.000	
31/12	BPBKH	31/12	Trích KHTSCĐ T12	214	23.556.651	
..
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển chi phí	911		2.242.736.922
			Cộng phát sinh		2.242.736.922	2.242.736.922
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có 90 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 90

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11 : Trích sổ cái TK 642 năm 2010

Đơn vị: **CÔNG TY CPTM THÁI GIANG**

Mẫu số **S03b-DN**

Đ/C Số **105 Lâm Sản-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: **Chi phí bán hàng**

Số hiệu: 6421

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/01	BTTLT1	31/01	Lương phải trả T1	334	18.300.000	
.....
21/02	PC 13	21/02	Thanh toán tiền mua dầu	1111	2.878.398	
...
28/02	BTTL T2	28/02	Lương phải trảT02	334	18.300.000	
...
20/11	PC28	20/11	Thanh toán tiền mua dầu	1111	1.374.073	
...
30/11	BTTLT11	30/11	Lương phải trả T11	334	18.300.000	
01/12	PC01	01/12	Thanh toán tiền mua dầu	1111	912.100	
..	
31/12	BTTLT12	31/12	Lương phải trả T12	334	17.600.000	
..
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển chi phí	911		1.152.718.177
			Cộng phát sinh		1.152.718.177	1.152.718.177
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có 89 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 89

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: Trích sổ chi tiết TK 6421 năm 2010

Đơn vị: **CÔNG TY CPTM THÁI GIANG**
 Đ/C Số 105 Lâm Sơn-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm: 2010

Tên tài khoản: *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Số hiệu: 6422

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
02/01	PKT 25	02/01	thuê môn bài năm 2010	3338		
...
05/01	PC06	05/01	Thanh toán tiền tiếp khách	1111	1.858.000	
07/01	PC07	07/01	Thanh toán tiền mua xăng	1111	711.818	
...
31/01	BTTL T1	31/01	Lương phải trả T01	334	19.700.000	
31/01	BPBKH	31/01	Trích KH TSCĐ T1	214	16.054.949	
28/02	BTTL T2	28/02	Lương phải trả T02	334	19.700.000	
...
30/11	BPBKH	30/11	Trích KH TSCĐ T11	214	23.556.651	

31/12	BPBKH	31/12	Trích KHTSCĐ T12	214	23.556.651	
31/12	BTTL T12	31/12	Lương phải trả T12	334	21.600.000	
..
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển chi phí	911		1.090.018.745
			Cộng phát sinh		1.090.018.745	1.090.018.745
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có 90 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 90

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: Trích chi tiết TK 6422 năm 2010

2.2.4 Kế toán hoạt động tài chính

2.2.4.1 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang là các khoản lãi tiền gửi từ ngân hàng, lãi thu được từ cho vay ngắn hạn, dài hạn...

2.2.4.1.1 Tài khoản sử dụng

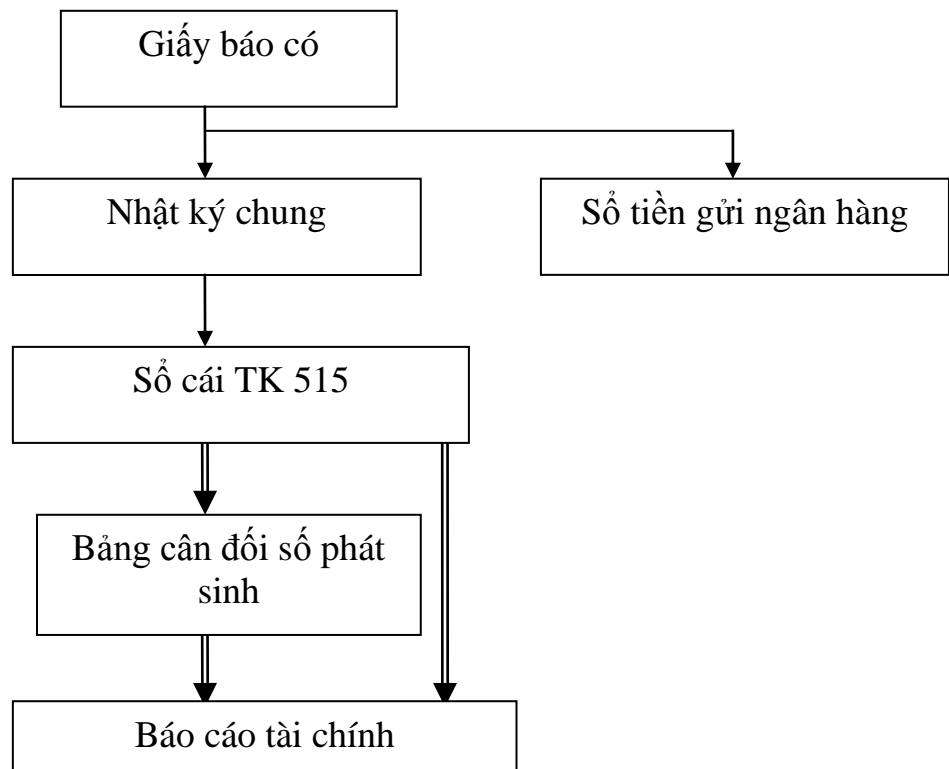
Kế toán sử dụng tài khoản 515 để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

2.2.1.1.2 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Sổ phụ của ngân hàng

2.2.4.1.3 Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Sơ đồ 2.8 : Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi theo tháng ══════════>
- Quan hệ đối chiếu kiểm tra ←----->

Hàng ngày căn cứ vào Giấy báo có và Sổ phụ của ngân hàng đã được kiểm tra kế toán làm căn cứ ghi Sổ nhật ký chung ,từ Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 515.

Định kỳ cuối mỗi tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên Sổ cái chuyển số liệu vào Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra số liệu ghi trên Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

VÍ DU 2.5: Ngày 31/12/2010 công ty nhận được thông báo về lãi tiền gửi do ngân hàng Đầu Tư Và Phát triển Việt Nam số tiền 14.204 đ.

Căn cứ vào Giấy báo có và Sổ phụ của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (Biểu số 2.14) kế toán ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4), từ Sổ nhật ký chung vào Sổ cái TK 515(Biểu số 2.15).

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM			
SỔ PHỤ VNĐ			
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>			
<i>Tài khoản : 68945739</i>			
CÔNG TY CPTM THÁI GIANG			
DIỄN GIẢI	SỐ DƯ ĐẦU NGÀY	GHI NỢ	GHI CÓ
##LÃI NHẬP TIỀN GỬI##			14.121.119
			14.204
			14.202
			14.135.321
SỔ PHỤ			KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	
GIẤY BÁO CÓ	MÃ GDV: BATCH
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	MÃ KH: 133563
	SỐ GD
Kính gửi : CÔNG TY CPTM THẾP THÁI GIANG	
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi CÓ :	68945739
Số tiền bằng số :	14.202
Số tiền bằng chữ :	Mười bốn nghìn, hai trăm linh hai VNĐ
Nội dung :	## LÃI NHẬP GỐC##

Biểu số 2.14: Giấy báo có và Sổ phụ ngân hàng

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
 CÔNG TY CPTM THÁI GIANG
 Số 105 Lâm Sơn-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				51.245.256	51.245.256
18/01	GBN1801	18/01	Phí chuyển tiền	x	23	635	101.061	
18/01	GBN1801	18/01	Phí chuyển tiền	x	24	1122		101.061
25/01	GBC2501	25/01	Rút tiền gửi nhập quỹ	x	316	1121	3.533	
25/01	GBC2501	25/01	Lãi tiền gửi	x	317	515		3.533
...
04/02	GBN0402	04/02	Phí chuyển tiền	x	415	635	5.500	
04/02	GBN0402	04/02	Phí chuyển tiền	x	416	1123		5.500
29/02	GBC2902	29/02	Lãi tiền gửi	x	415	1121	19.850	
29/02	GBC2902	29/02	Lãi tiền gửi	x	416	1123	51.438	
29/02	GBC2902	29/02	Lãi tiền gửi	x	417	515		71.288
...
25/11	GBC2511	25/11	Lãi tiền gửi	x	4.038	1122	35.691	
25/11	GBC2511	25/11	Lãi tiền gửi	x	4.039	515		35.691
...
25/12	HD 0060162	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.197	1111	17.677.440	
25/12	HD 0060162	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.198	511		16.070.400
25/12	HD 0060162	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.199	3331		1.607.040
25/12	PX2512	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.200	632	11.745.689	
25/12	PX2512	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.201	156		11.745.689
...
31/12	GBC3112	31/12	Lãi tiền gửi	x	4.607	1122	14.204	
31/12	GBC3112	31/12	Lãi tiền gửi	x	4.608	515		14.204
TỔNG CỘNG							662.589.258.853	662.589.258.853

- Sổ này có 194 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 194

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4: Trích sổ nhật ký chung năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CPTM THÁI GIANG

Mẫu số S03b-DN

Đ/C Số 105 Lâm Sản-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
25/01	GBC2501	25/01	Lãi tiền gửi	1121		3.533
29/02	GBC2902	29/02	Lãi tiền gửi	1121		19.850
29/02	GBC2902	29/02	Lãi tiền gửi	1122		51.438
...
25/11	GBC2511	25/11	Lãi tiền gửi	1122		35.691
...
31/12	GBC 3112	31/12	Lãi tiền gửi	1122		14.204
..
31/12	PKT42	31/12	Kết chuyển KQKD 2010	911	6.202.447	6.202.447
			Cộng phát sinh		6.202.447	6.202.447
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có 89 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 89

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15 : Trích sổ cái TK 515

2.2.4.2 Chi phí tài chính

Công ty xác định chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư trong doanh nghiệp bao gồm: chi phí liên quan đến lãi vay phải trả cho ngân hàng.

2.2.4.2.1 Tài khoản sử dụng

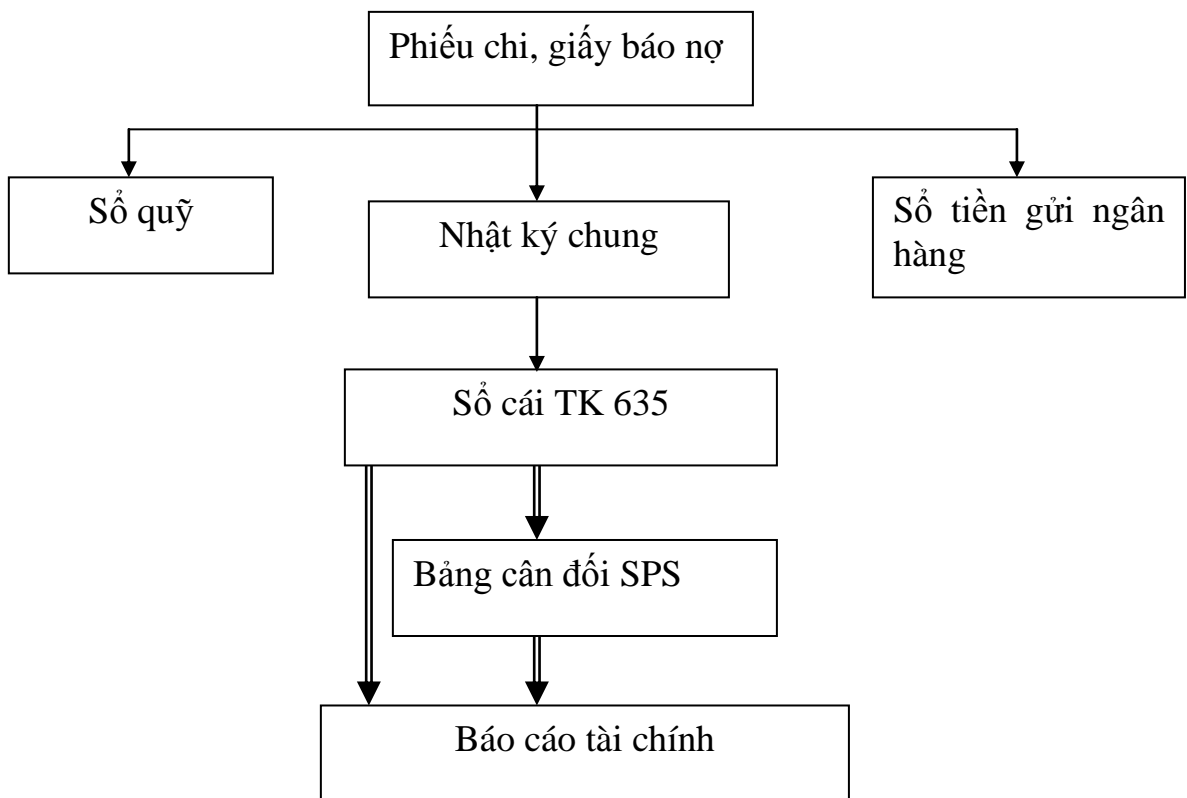
Kế toán sử dụng tài khoản 635 để hạch toán chi phí hoạt động tài chính.

2.2.4.2.2 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ của ngân hàng, Sổ phụ ngân hàng
- Phiếu chi

2.2.4.2.3 Trình tự hạch toán chi phí hoạt động tài chính

Sơ đồ 2.9: Trình tự hạch toán chi phí tài chính



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi theo tháng ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra - - ->

Hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng để tập hợp chi phí thực tế phát sinh kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 635.

Định kỳ cuối tháng, cuối quý, cuối năm căn cứ vào Sổ cái TK 635 kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh, kế toán kiểm tra lại số liệu sau đó vào Báo cáo tài chính.

VÍ DU 2.6: Ngày 12/12/2010 công ty chuyển trả phí chuyển tiền cho ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền 139.603 đ

Căn cứ vào Giấy báo nợ và Sổ phụ ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam(Biểu số 2.16) kế toán ghi Sổ nhật ký chung(Biểu số 2.4) , từ Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 635(Biểu số 2.17).

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM			
SỔ PHỤ VNĐ			
<i>Ngày 12 tháng 12 năm 2010</i>			
<i>Tài khoản : 68945739</i>			
CÔNG TY CPTM THÁI GIANG			
DIỄN GIẢI		GHI NỢ	GHI CÓ
	<i>Số dư đầu ngày</i>	<i>540.909</i>	
	##PHÍ CHUYỂN TIỀN##	<i>139.603</i>	
	<i>Tổng số phát sinh ngày</i>	<i>139.603</i>	
	<i>Số dư cuối ngày</i>	<i>680.512</i>	
SỔ PHỤ			KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	
	MÃ GDV: BATCH
	MÃ KH: 133563
	SÔ GD
GIẤY BÁO NỢ	
<i>Ngày 12 tháng 12 năm 2010</i>	
Kính gửi : CÔNG TY CPTM THẾP THÁI GIANG	
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi NỢ :	68945739
Số tiền bằng số :	139.603
Số tiền bằng chữ :	Một trăm ba mươi chín nghìn , sáu trăm linh ba VNĐ
Nội dung :	## PHÍ CHUYỂN TIỀN##

Biểu số 2.16 : Giấy báo nợ và Sổ phụ ngân hàng đầu tư và phát triển VN

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số S03a-DNN

CÔNG TY CPTM THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Số 105 Lâm Sản-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				51.245.256	51.245.256
18/01	BGN1801	18/01	Phí chuyển tiền	x	23	635	101.061	
...
25/01	BGC2501	25/01	Lãi tiền gửi	x	317	515		3.533
...
04/02	GBN0402	04/02	Phí chuyển tiền	x	415	635	5.500	
04/02	GBN0402	04/02	Phí chuyển tiền	x	416	1123		5.500
29/02	GBC2902	29/02	Lãi tiền gửi	x	415	1121	19.850	
29/02	GBC2902	29/02	Lãi tiền gửi	x	416	1123	51.438	
29/02	GBC2902	29/02	Lãi tiền gửi	x	417	515		71.288
...
25/11	GBC2511	25/11	Lãi tiền gửi	x	4.038	1122	35.691	
25/11	GBC2511	25/11	Lãi tiền gửi	x	4.039	515		35.691
...
12/12	GBN1212	12/12	Phí chuyển tiền	x	4.087	635	139.603	
12/12	GBN1212	12/12	Phí chuyển tiền	x	4.088	1122		139.603
...
25/12	HD 0060162	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.197	1111	17.677.440	
25/12	HD 0060162	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.198	511		16.070.400
25/12	HD 0060162	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.199	3331		1.607.040
25/12	PX2512	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.200	632	11.745.689	
25/12	PX2512	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.201	156		11.745.689
...
TỔNG CỘNG							662.589.258.853	662.589.258.853

- Sổ này có 194 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 194

- Ngày mở sổ : 01/01/2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4 : Trích sổ nhật ký chung năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CPTM THÁI GIANG

Mẫu số S03b-DN

Đ/C Số 105 Lâm Sản-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2010

Tên tài khoản: **Chi phí hoạt động tài chính**

Số hiệu: 635

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
18/01	GBN1801	18/01	Phí chuyển tiền	1121	101.061	
04/02	GBN0402	04/02	Phí chuyển tiền	1123	5.500	
19/02	GBN1902	19/02	Phí chuyển tiền	1122	205.608	
...	
07/11	GBN0711	07/11	Phí chuyển tiền	1122	55.000	
...	
03/12	GBN0312	03/12	Phí chuyển tiền	1123	540.909	
..
05/12	GBN0512	05/12	Chuyển trả tiền lãi vay	1123	42.000.000	
..	
12/12	GBN1212	12/12	Phí chuyển tiền	1122	139.603	
..
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển KQKD	911		112.604.806
			Cộng phát sinh		112.604.806	112.604.806
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có 89 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 89

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17 : Trích sổ cái TK 635 năm 2010

2.2.5 Kế toán hoạt động khác

2.2.5.1 Thu nhập khác

Năm 2010 các khoản thu khác của công ty chủ yếu là khoản tiền bồi thường.

Trong năm 2010 không phát sinh các chi phí khác.

2.2.5.1.1 Tài khoản sử dụng

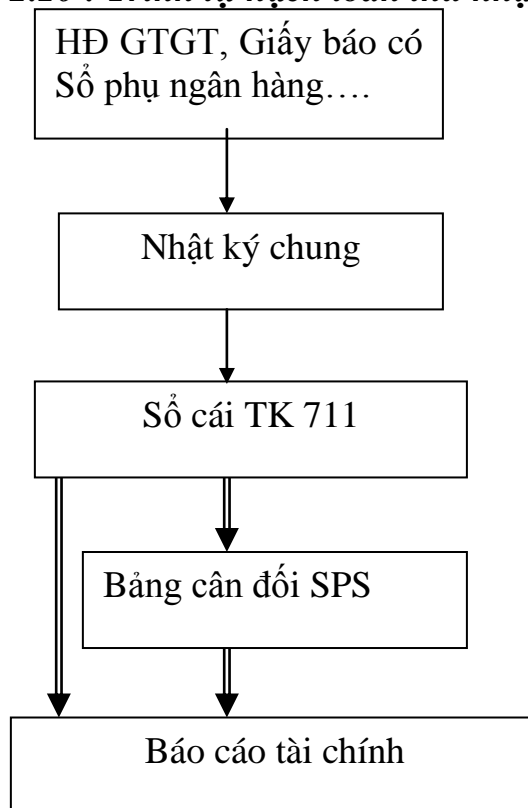
Đề hạch toán thu nhập khác của công ty kế toán sử dụng TK 711

2.2.5.1.2 Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Giấy báo có và sổ phụ ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.5.1.3 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.10 : Trình tự hạch toán thu nhập khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi theo tháng ══════=>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ← - - - ->

Hàng ngày căn cứ vào hóa đơn GTGT , Giấy báo có và Sổ phụ của ngân hàng , các chứng từ khác có liên quan đã được kiểm tra kế toán làm căn cứ ghi Sổ nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 711.

Định kỳ cuối mỗi tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên Sổ cái chuyển số liệu vào Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra số liệu ghi trên Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

VÍ DU 2.7: Ngày 26/03/2010 Công ty Bảo Việt chuyển trả tiền bồi thường xe bị tai nạn cho Công ty số tiền 28.409.535 đ qua ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Căn cứ vào Giấy báo có và Sổ phụ của ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (Biểu số 2.18) kế toán ghi Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4), từ Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 711(Biểu số 2.19).

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM			
SỔ PHỤ VNĐ			
<i>Ngày 26 tháng 03 năm 2010</i>			
<i>Tài khoản : 68945739</i>			
CÔNG TY CPTM THÁI GIANG			
DIỄN GIẢI		GHI NỢ	GHI CÓ
	<i>Số dư đầu ngày</i>		9.486
##LÃI NHẬP TIỀN GỬI##			28.409.535
	<i>Tổng số phát sinh ngày</i>		28.409.535
	<i>Số dư cuối ngày</i>		28.419.021
SỔ PHỤ			KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	
MÃ GDV: BATCH	
MÃ KH: 133563	
SÔ GD	
GIẤY BÁO CÓ	
<i>Ngày 26 tháng 03 năm 2010</i>	
Kính gửi : CÔNG TY CPTM THẾP THÁI GIANG	
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi CÓ :	68945739
Số tiền bằng số :	28.419.021
Số tiền bằng chữ:	Hai mươi tám triệu bốn trăm mười chín ngàn không trăm hai một VNĐ
Nội dung :	## LÃI NHẬP GỐC##

Biểu số 2.18 : Giấy báo có và Sổ phụ ngân hàng Đầu tư và phát triển VN

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
 CÔNG TY CPTM THÁI GIANG
 Số 105 Lâm Sơn-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT đồng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				51.245.256	51.245.256
18/01	GBN1801	18/01	Phí chuyển tiền	x	23	635	101.061	
18/01	GBN1801	18/01	Phí chuyển tiền	x	24	1122		101.061
...
04/02	GBN0402	04/02	Phí chuyển tiền	x	415	635	5.500	
04/02	GBN0402	04/02	Phí chuyển tiền	x	416	1123		5.500
...
26/03	GBC2603	26/03	Cty Bảo Việt chuyển trả tiền bồi thường	x	1.096	1122	28.409.535	
26/03	GBC2603	26/03	Cty Bảo Việt chuyển trả tiền bồi thường	x	1.097	711		28.409.535
...
25/11	GBC2511	25/11	Lãi tiền gửi	x	4.038	1122	35.691	
25/11	GBC2511	25/11	Lãi tiền gửi	x	4.039	515		35.691
...
12/12	GBN1212	12/12	Phí chuyển tiền	x	4.087	635	139.603	
12/12	GBN1212	12/12	Phí chuyển tiền	x	4.088	1123		139.603
...
25/12	HD 0060162	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.197	1111	17.677.440	
25/12	HD 0060162	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.198	511		16.070.400
25/12	HD 0060162	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.199	3331		1.607.040
25/12	PX2512	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.200	632	11.745.689	
25/12	PX2512	25/12	Xuất bán hàng hóa	x	4.201	156		11.745.689
...
TỔNG CỘNG							662.589.258.853	662.589.258.853

- Sổ này có 194 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 194
 - Ngày mở sổ : 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4 : Trích sổ nhật ký chung năm 2010

Đơn vị: **CÔNG TY CPTM THÁI GIANG**
 Đ/C Số 105 Lâm Sản-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

Mẫu số **S03b-DN**
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2010

Tên tài khoản: **Thu nhập khác**

Số hiệu: 711

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
26/03	GBC2603	26/03	Thu nhập khác	1122		28.409.535
31/12	PKT42	31/12	Kết chuyển KQKD	911	28.409.535	
			Cộng phát sinh		28.409.535	28.409.535
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19 : Trích sổ cái TK 711 năm 2010

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán năm.

2.2.6.1 Tài khoản sử dụng

Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng các TK:

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

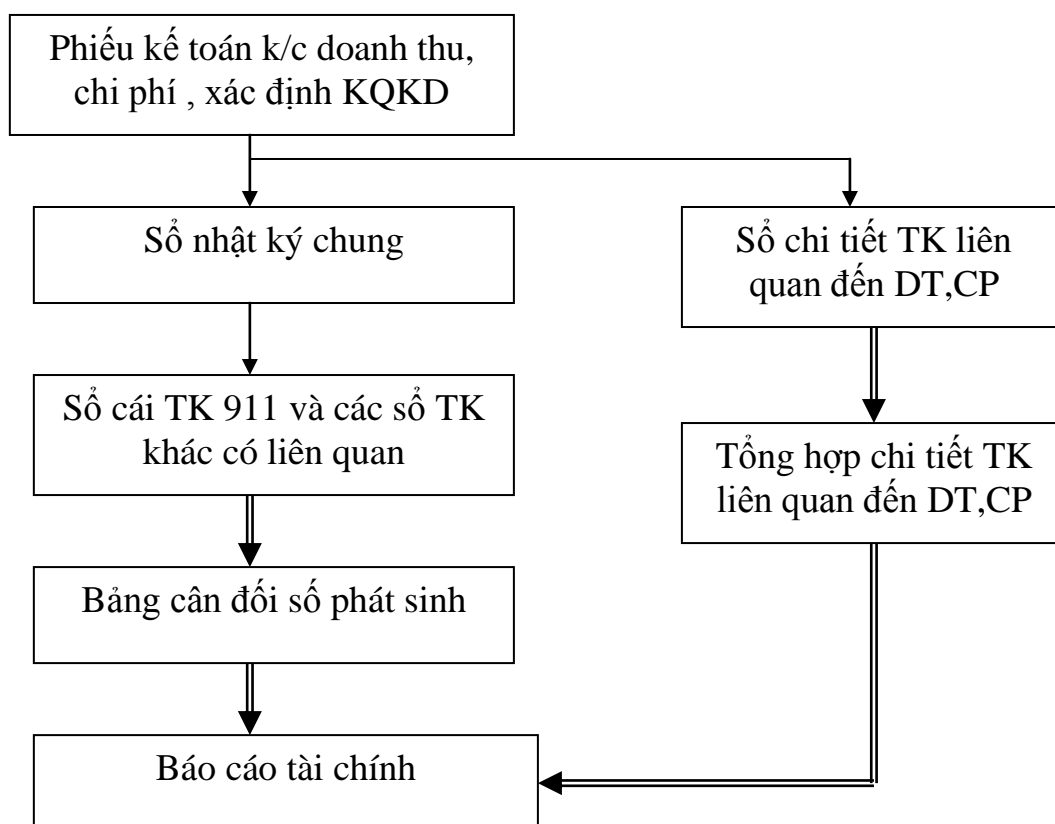
TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

TK 511, TK 515, TK 632, TK635, TK641, TK642, TK711...

2.2.6.2 Chứng từ sử dụng

Để xác định kết quả kinh doanh kế toán sử dụng phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

2.2.6.3 Trình tự hạch toán



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi theo tháng ==>
- Quan hệ đối chiếu <--->

Cuối mỗi quý, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán (PKT). Căn cứ vào các PKT để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Cuối năm, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí và XĐKQKD.

Căn cứ vào các phiếu kế toán tổng hợp 42,43,44 kế toán vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4) từ Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái các TK 911 (Biểu số 2.23), Sổ cái TK 821 (Biểu số 2.24), Sổ cái TK 421 (Biểu số 2.25).

CÔNG TY CPTM THÁI GIANG

Số 105 Lâm Sản-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số hiệu 42

Nội dung	TK	Vụ việc	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		94.757.117.031	
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911			94.757.117.031
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		6.202.447	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911			6.202.447
Kết chuyển thu nhập khác	711		28.409.535	
Kết chuyển thu nhập khác	911			28.409.535
Tổng			94.791.729.010	94.791.729.010

Bằng chữ : Chín mươi tư tỷ, bảy trăm chín một triệu bảy trăm hai chín nghìn không trăm mười đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20 : Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu năm 2010

CÔNG TY CPTM THÁI GIANG
Số 105 Lâm Sản-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số hiệu 43

Nội dung	TK	Vụ việc	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		93.018.365.203	
Kết chuyển giá vốn hàng bán	632			93.018.365.203
Kết chuyển chi phí tài chính	911		112.604.806	
Kết chuyển chi phí tài chính	635			112.604.806
Kết chuyển chi phí quản lý DN	911		2.242.736.922	
Kết chuyển chi phí quản lý DN	642			2.242.736.922
Tổng			95.373.706.930	95.373.706.930

Bằng chữ : Chín mươi năm tỷ, ba trăm bảy mươi ba triệu , bảy trăm linh sáu nghìn chín trăm ba mươi đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.21 : Phiếu kế toán kết chuyển giá vốn, chi phí năm 2010

CÔNG TY CPTM THÁI GIANG
Số 105 Lâm Sản-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số hiệu 44

Nội dung	TK	Vụ việc	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Kết chuyển lỗ năm 2010	421		581.977.918	
Kết chuyển lỗ năm 2010	911			581.977.918
Tổng			581.977.918	581.977.918

Bằng chữ : Năm trăm tám một triệu , chín trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm mười tám đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22 : Phiếu kế toán kết chuyển lãi- lỗ năm 2010

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
 CÔNG TY CPTM THÁI GIANG
 Số 105 Lâm Sơn-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				51.245.256	51.245.256
01/01	PX 0101	01/01	Xuất bán hàng hóa	x	35	632	18.764.29	
01/01	PX 0101	01/01	Xuất bán hàng hóa	x	36	156		18.764.29
...
31/12	PKT 42	31/12	K/c doanh thu bán hàng	x	4.561	511	94.757.117.031	
31/12	PKT 42	31/12	K/c doanh thu bán hàng	x	4.562	911		94.757.117.031
31/12	PKT 42	31/12	K/c doanh thu tài chính	x	4.563	515	6.202.447	
31/12	PKT 42	31/12	K/c doanh thu tài chính	x	4.564	911		6.202.447
31/12	PKT 42	31/12	K/c thu nhập khác	x	4.565	711	28.409.535	
31/12	PKT 42	31/12	K/c thu nhập khác	x	4.566	911		28.409.535
31/12	PKT 43	31/12	K/c giá vốn hàng bán	x	4.567	911	93.018.365.203	
31/12	PKT 43	31/12	K/c giá vốn hàng bán	x	4.568	632		93.018.365.203
31/12	PKT 43	31/12	K/c chi phí tài chính	x	4.569	911	112.604.806	
31/12	PKT 43	31/12	K/c chi phí tài chính	x	4.570	635		112.604.806
31/12	PKT 43	31/12	K/c chi phí bán hàng	x	4.571	911	2.242.736.922	
31/12	PKT 43	31/12	K/c chi phí QLDN	x	4.572	642		2.242.736.922
31/12	PKT 44	31/12	K/c lỗ	x	4.573	421	581.977.918	
31/12	PKT 44	31/12	K/c lỗ	x	4.570	911		581.977.918
TỔNG CỘNG							662.589.258.853	662.589.258.853

- Sổ này có 194 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 194
 - Ngày mở sổ : 01/01/2010

Người ghi sổ
 (Đã ký)

Kế toán trưởng
 (Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Giám đốc
 (Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4 : Trích sổ nhật ký chung năm 2010

Đơn vị: CÔNG TY CPTM THÁI GIANG
Đ/C Số 105 Lâm Sản-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2010

Tên tài khoản: **Xác định kết quả kinh doanh**

Số hiệu: **911**

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT42	31/12	Kết chuyển KQKD	511		94.757.117.033
31/12	PKT42	31/12	Kết chuyển KQKD	515		6.202.447
31/12	PKT42	31/12	Thu nhập khác	711		28.409.535
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển KQKD	632	93.018.365.203	
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển KQKD	635	112.604.806	
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển KQKD	642	2.242.736.922	
31/12	PKT44	31/12	Lãi chưa phân phối	421		581.911.918
			Cộng phát sinh		95.373.706.931	95.373.706.931
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.23: Trích sổ cái TK 911 năm 2010

Đơn vị: **CÔNG TY CPTM THÁI GIANG**
 Đ/C **Số 105 Lâm Sản-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP**

Mẫu số **S03b-DN**
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2010

Tên tài khoản: **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Số hiệu: 821

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
27/03	03	27/03	Thuế thu nhập DN tạm nộp quý I/2010	3334	8.400.000	
18/06	22	18/06	Thuế thu nhập DN tạm nộp bổ sung quý II/2010	3334	2.850.000	
18/07	23	18/07	Thuế thu nhập DN tạm nộp quý III/2010	3334	11.250.000	
17/10	26	17/10	Thuế thu nhập DN tạm nộp quý IV/2010	3334	11.250.000	
31/12	46	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	3334		33.750.000
			Cộng phát sinh		33.750.000	33.750.000
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24 : Trích sổ cái TK 821 năm 2010

Đơn vị: **CÔNG TY CPTM THÁI GIANG**
 Đ/C **Số 105 Lâm Sản-Sở Dầu-Hồng Bàng-HP**

Mẫu số **S03b-DN**
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2010

Tên tài khoản: **Lãi chưa phân phối**

Số hiệu: 421

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			198.333.928
31/12	PKT44	31/12	Kết chuyển lỗ	911	581.977.918	
			Cộng phát sinh		581.977.918	
			Số dư cuối kỳ		383.643.990	

- Sổ này có 1 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 1

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25 : Trích sổ cái TK 421 năm 2010

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

3.1 Những đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang.

Cùng với sự phát triển của đất nước trong nền kinh tế thị trường, với mục tiêu giữ vững thị trường và tăng trưởng nhanh là trách nhiệm và mong muốn của toàn bộ cán bộ nhân viên trong Công ty. Tuy mới thành lập và đi vào hoạt động được gần 07 năm, nhưng nay Công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp có uy tín trong ngành sắt thép, kim khí. Trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng, luôn được củng cố, hoàn thiện và đã trở thành một công cụ đắc lực trong quản lý và hạch toán của Công ty. Hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mà mình quản lý.

Công ty đang tiếp tục hoàn thiện một số khâu trong kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế, cố gắng sắp xếp tổ chức lại bộ máy quản lý gọn nhẹ, lựa chọn đội ngũ nhân viên có tinh thần dám nghĩ, dám làm, có hiệu quả. Lãnh đạo Công ty đã phát huy được năng lực sẵn có của cán bộ công nhân viên, chuyển hướng đầu tư trang thiết bị đồng bộ, hiện đại để nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

Qua thời gian thực tập ở Công ty, được sự giúp đỡ của các bác, các anh chị phòng kế toán và sự hướng dẫn chỉ bảo của Thạc sỹ Lương Khánh Chi em đã hoàn thành công việc nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Bằng những kiến thức đã học cộng với thực tế em đã rút ra một số ý kiến nhận xét, đánh giá riêng của mình như sau.:

Em hi vọng nó sẽ đóng góp một phần nhỏ bé để công tác kế toán của công ty ngày càng hoàn thiện hơn.

3.1.1 .Những ưu điểm

Trong quá trình thực tập tìm hiểu tình hình thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty em nhận thấy bộ máy tổ chức quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty. Công ty đã dần hoàn thiện công tác hạch toán của mình.

3.1.1.1. Về tổ chức quản lý kinh doanh

a. Về tổ chức bộ máy quản lý

Với bộ máy quản lý được tổ chức theo mô hình cơ cấu trực tuyến từ Ban giám đốc đến các phòng ban .Với đội ngũ quản lý , nhân sự làm việc nhiệt tình hết mình trung thực, sáng tạo giúp cho lãnh đạo Công ty có quyết định chính xác, kịp thời khi có những vấn đề khó khăn trong kinh doanh, tránh được tình trạng tiêu cực trong quản lý. Hàng ngày, khi nhận được chứng từ, sau khi kiểm tra độ chính xác của chứng từ, kế toán ghi sổ và khi cần có thể kiểm tra bất cứ lúc nào nhà quản trị yêu cầu, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của nhà lãnh đạo là nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

b. Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra và ghi chép vào sổ sách. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán thực hiện một cách hiệu quả.Trong Công ty có sự phân chia công việc và phối hợp nhịp nhàng ,khả năng của đội ngũ chuyên môn được khai thác triệt để giảm nhẹ khối lượng công việc ghi sổ kế toán ,các nhân viên trong phòng kế toán được bố trí công tác phù hợp với trình độ và khả năng của từng người . Hệ thống kế toán của Công ty đã đi vào nề nếp, được tổ chức tương đối hoàn chỉnh phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung- là một phương pháp đơn giản ,dễ làm, dễ sử dụng rất phù hợp đối với một công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại . Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào Nhật ký chung

mà trọng tâm là số Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

d. Về sử dụng và luân chuyển chứng từ

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ của Công ty hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu quản lý.

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu bán hàng, mua hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương, liên tục.

3.1.1.2. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.1.1.2.1. Về công tác kế toán doanh thu

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng, từng sản phẩm. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình thanh toán, ứ đọng vốn đồng thời phù hợp với yêu cầu theo dõi công nợ của công ty.

3.1.1.2.2. Về công tác kế toán chi phí

Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời và hợp lý. Công ty cũng theo dõi chi phí chi tiết cho từng loại hình kinh doanh. Từ đó giúp ban lãnh đạo thấy được sự biến động chi phí của từng loại hình từ đó sẽ đưa ra được ra các chính sách tiết kiệm chi phí.

3.1.1.2.3. Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công tác tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhanh gọn, kịp thời, phản ánh đúng mức doanh thu mà doanh nghiệp đạt được theo từng tháng, từng quý, từng năm.

Qua thực tế cho thấy, công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở Công ty đã đảm bảo được đúng yêu

cầu thống nhất phạm vi tính toán chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận có liên quan cũng như nội dung của công tác kế toán, đồng thời đảm bảo cho số liệu kế toán phản ánh một cách chính xác, trung thực, hợp lý, rõ ràng, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý ở Công ty.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm của mình thì công tác quản lý của Công ty cổ phần thương mại Thái Giang còn bộc lộ một số hạn chế sau:

3.1.2. Những hạn chế

3.1.2.1 Về công tác quản lý hàng tồn kho

Công tác quản lý hàng tồn kho tại Công ty còn lỏng lẻo, chưa quản lý được lượng hàng thực tế trong kho, đôi khi vẫn dẫn đến tình trạng thiếu hụt hàng hóa do không có sự giám sát chặt chẽ.

3.1.2.2 Về công nợ phải thu

Công nợ phải thu của Công ty còn tồn đọng nhiều, khiến cho dòng vốn quay vòng chậm. Lượng hàng tiêu thụ hàng năm lớn nhưng chủ yếu là bán chịu, trong khi giá cả thị trường thay đổi liên tục khiến cho việc nhập hàng có nhiều trở ngại.

Dưới đây là bảng tổng hợp công nợ theo tài khoản 131- phải thu khách hàng để ta thấy được sự tồn đọng của công nợ phải thu của Công ty.

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ THEO TÀI KHOẢN

131- Phải thu khách hàng

Năm 2010

Trang :1

STT	TÊN ĐƠN VỊ CÓ CÔNG NỢ		SỐ DƯ ĐẦU KỲ		SỐ PS TRONG KỲ		SỐ DƯ CUỐI KỲ	
	MÃ	Tên đối tượng	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	CÁC ĐƠN VỊ TRONG NƯỚC		12.085.976.522	1.292.077	76.260.805.229	72.729.371.816	15.616.117.858	
1	69-2	CTCP Lilama 69-2	620.320.260		600.711.622	1.220.031.882		
2	ABL	CT TNHH CN Aalborg			3.384.593.293	3.384.593.293		
3	ASIA	CTCPTM ASIA	2.969.175				2.969.175	
4	AVC	CTCP cầu trục và thiết bị AVC	1.409.519.449		25.533.070.446	22.159.767.324	4.782.822.571	
5	BDONG	CTCPCN Biển Đông	317.224.279			317.224.279		
6	BHAI	CTCO Thép Bắc Hải			3.807.689.415	3.807.689.415		
7	CCK	CTCP Cơ khí đóng tàu thủy sản VN	12.830.031			12.830.031		
8	CTT	CT tư vấn xây dựng công trình thủy 1	77.959.940			15.975.740	62.002.200	
9	DAP	Ban quản lý dự án DAP HP	508.707.198		7.518.252.311	6.719.366.270	1.307.5930239	
10	HOP	CT chế tạo máy XD và KT mô Hòa Phát			65.661.687	65.661.687		
11	HQANH	CTCP Hùng Quang Anh	376.707.198		4.185.905.466	3.480.000.000	1.082.668.232	
12	HTHẠCH	CT Xi măng hoàng Thạch		1.292.077	200.588.703	196.528.535	2.768.091	
13	L!10	CTCP LILAMA 10			600.574.548	600.571.548		
14	LS2	CTCP LIEMCO 2			573.189.891		573.189.891	
15	ÔHANG	CT TNHH MTV chế tạo thiết bị và đóng tàu	408.870.966			408.870.966		
16	ÔHNG	CT TNHH MTV chế tạo thiết bị và đóng tàu	472.100.507			472.100.507		
17	OPHU	CT TNHH MTV chế tạo thiết bị và đóng tàu	4.829.903.630		25.536.926.003	23.830.130.383	6.536.699.250	

18	OTINH	CT TNHH MTV chế tạo thiết bị và đóng tàu	1.202.884.431			1.202.884.431		
19	OTUAN	CT TNHH MTV chế tạo thiết bị và đóng tàu	315.076.006				315.076.006	
20	SPAN	CTCP thủy điện Sứ Pán 1	62.483.100			62.483.100		
21	TBD	CT TNHH CN Thái Bình Dương	645.584.426		721.049.675	900.000.000	466.634.101	
22	TBINH	CT TNHH Thái Bình	41.657.538		320.454.556	299.763.800	62.348.294	
23	THANH	CT TNHH vận tải và thương mại Tân Thành	596.769.603		324.577.205	500.000.000	421.346.808	
24	TLOI	CTNNHH cơ khí đúc Thăng Lợi			1.284.020.482	1.284.020.482		
25	XD 3	CT CP XD số 3 HP	184.353.217		141.269.173	325.622.390		
26	XLDK	CT TNHH MTV xây lắp dàu khí HN			719.238.570	719.238.570		
27	XMQN	cTCP xi măng và XD Quảng Ninh			743.032.183	743.032.183		
TỔNG			12.085.967.522	1.292.077	76.260.805.229	72.729.371.816	15.616.117.858	

*Số dư đầu kỳ phải thu : 12.084.684.445

*Số dư cuối kỳ phải thu: 15.616.117.858

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP
(Đã ký)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Đã ký)

GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

Biểu số 3.1 : Trích bảng tổng hợp công nợ theo tài khoản

3.1.2.3 Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm

Trong quá trình tiêu thụ Công ty không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho khách hàng khi mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi này sẽ làm giảm không nhỏ một số lượng khách hàng của công ty và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty.

3.1.2.4 Về công tác quản lý chi phí bán hàng ,chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí kinh doanh là vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn cố gắng quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng khai khống chi phí làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Tuy nhiên qua tìm hiểu,quan sát tại công ty em nhận thấy công ty đã không quản lý tốt các chi phí ,chi phí của công ty tương đối lớn chủ yếu là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến sự thua lỗ của công ty.

3.1.2.5 Về việc tham gia đóng bảo hiểm và ghi chép sổ sách kế toán

Công ty không tham gia đóng bảo hiểm và cũng không trích lương theo hệ số chung đã quy định , điều này sẽ không đảm bảo được quyền lợi của người lao động.

Kế toán ghi chép đánh số thứ tự chứng từ theo ngày tháng phát sinh các nghiệp vụ không thể hiện được tính liên tục của chứng từ kế toán..

3.1.2.6. Về vận dụng phần mềm trong tổ chức hạch toán kế toán

Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Do đó khối lượng công việc mà mỗi kế toán viên đảm nhận khá nhiều , gây sức ép và khó khăn mỗi khi tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính.

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Thái Giang.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, để tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2 Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.
- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của DN
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.
- Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CPTM Thái Giang.

3.2.3.1 Về công tác quản lý hàng tồn kho

Hàng hoá của Công ty chủ yếu là sắt thép, vật tư kim khí,... nếu không được bảo quản tốt sẽ làm hư hỏng, làm giảm chất lượng của hàng hoá do vậy sẽ làm giảm về mặt giá trị. Mặt khác, giá cả của hàng hoá thường biến động theo thị trường, cho nên theo nguyên tắc cân trọng trong kế toán thì việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong một niên độ kế toán là cần thiết. Vì vậy, Công ty cần nghiên cứu chế độ kế toán để có thể lập dự phòng cho niên độ kế toán theo đúng quy định.

Bên cạnh đó Ban giám đốc cũng cần phải đôn đốc nhân viên ở bộ phận kho làm việc có trách nhiệm hơn nữa, giám sát chặt chẽ hơn nữa lượng hàng hoá trong kho của Công ty.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc tính trước để đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh phần giá trị có khả năng bị giảm xuống thấp hơn so với giá trị đã ghi sổ của hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là biện pháp nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, hàng hóa tồn kho bị giảm giá, đồng thời cũng để phản ánh giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhằm đưa ra một hình ảnh trung thực về tài sản của doanh nghiệp khi lập Báo Cáo Tài Chính cuối kỳ hạch toán.

❖ Điều kiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

-Cuối niên độ kế toán (31/12), nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện đối với từng loại hàng tồn kho.

-Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng đáng tin cậy.

TK sử dụng : để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng TK 159- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

❖ Kết cấu của TK 159 như sau:

Bên Nợ : Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có : Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

❖ Phương pháp xác định mức dự phòng :

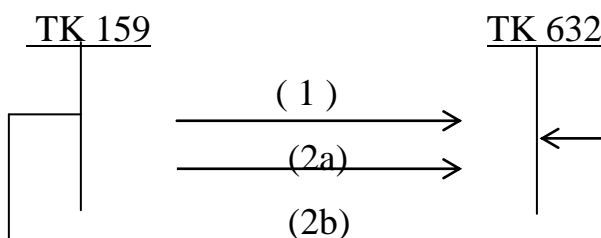
<i>Mức dự phòng cần lập cho hàng tồn kho i năm N+1</i>	<i>Lượng hàng hóa i tồn kho tại thời điểm ngày 31/12/N</i>	*	<i>Giá gốc đơn vị của hàng tồn kho i ghi sổ kế toán ngày 31/12/N</i>	<i>Giá trị thuần đơn vị có thể thực hiện được của hàng tồn kho i ngày 31/12/N</i>
--	--	---	--	---

Trong đó:

Giá gốc đơn vị của hàng tồn kho bao gồm giá mua , chi phí thu mua và chi phí liên quan trực tiếp khác theo quy định trong chuẩn mực kế toán số 02- HTK ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường – chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:



(1) Cuối kỳ kế toán năm N (hoặc quý) khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên:

Nợ TK 632 : Giá vốn hàng bán

Có TK 159 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(2) Cuối kỳ kế toán năm N +1(hoặc quý tiếp theo)

2a. Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì doanh nghiệp phải trích lập thêm bằng số chênh lệch đó, kế toán ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán(chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

2b. Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì doanh nghiệp phải hoàn nhập số chênh lệch đó, ghi:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán(chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Trong niên độ kế toán tiếp theo, với những hàng tồn kho đã lập dự phòng từ kỳ trước, nếu đã bán thì ngoài việc ghi nhận bút toán doanh thu, giá vốn, kế toán phải hoàn nhập dự phòng đã lập cho số hàng tồn kho đó với giá trị đúng bằng với số dự phòng cần lập.

Trong quá trình lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần lưu ý:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Việc đánh giá giá trị thuần đơn vị có thể thực hiện được của hàng tồn kho là một công việc ước tính đòi hỏi nhà quản lý phải dựa trên những bằng chứng tin cậy thu thập được ở thời điểm ước tính, phải biết lựa chọn đánh giá chính xác và có chọn lọc sao cho giá trị ước tính phải hợp lý, sát thực.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải đảm bảo tuân theo đúng quy định theo thông tư 13/2006/TT-BTC: hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng..

Ví dụ 3.1:

Ngày 31/12/2010 , số lượng mặt hàng thép Tấm 12ly (1,5x6,0)m 847,8 kg/cây, 4 cây/tờ, trọng lượng 3.391,2 tr/lượng với đơn giá 16.500(đ/kg) tại thời điểm này, giá trên thị trường chỉ có 15.400(đ/kg). Khi đó công ty sẽ lập mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

$$= 3.391,2*(16.500-15.400)=3.730.320$$

Kế toán ghi bút toán :

Nợ TK 632 : 3.730.320

Có TK 159 : 3.730.320

Việc lập dự phòng được thực hiện cho từng loại hàng hoá mà doanh nghiệp xét thấy có sự biến động lớn gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp . Sau khi lập dự phòng cho từng mặt hàng thì kế toán sẽ tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

BẢNG KẾ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

TÊN HH	MÃ HH	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐG GHI SỔ	ĐG THỰC TẾ	MỨC CHÊNH LỆCH	MỨC DỰ PHÒNG
Thép tấm 12ly (1,5x6,0)m	TAM 12LY	kg	3.391,2	16.500	15.400	1.100	3.730.320
...
Cộng							

Biểu số 3.2 : Bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm 2010

3.2.3.2 Về công nợ phải thu

- Để quản lý và thực hiện tốt hơn quá trình bán hàng tại cửa hàng, công ty nên quy định cụ thể về định mức công nợ tại từng thời điểm và cuối tháng đối với từng khách hàng, qua đó sẽ kiểm soát được tình hình công nợ, giúp công ty đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

- Để công ty thu được tiền sớm, tránh tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn công ty có thể sử dụng chiết khấu thanh toán. Như vậy, công ty sẽ tránh khỏi tình trạng bị chiếm dụng vốn, đồng thời làm tăng vòng quay của vốn giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian, công ty có thể áp dụng cụ thể như sau:

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày 10 đến ngày 17 của tháng sau sẽ được hưởng mức chiết khấu 1%.

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày 18 đến ngày 25 của tháng sau sẽ được hưởng mức chiết khấu 0.5%.

Ví dụ 3.2: Theo như bảng tổng hợp công nợ ở trên tính đến hết ngày 31/12/2010 Công ty Cổ Phần LISEMCO 2 còn nợ công ty là 573.189.891 đ.

- Nếu Công ty Cổ Phần LISEMCO 2 thanh toán tiền hàng từ ngày 10 đến ngày 17 sẽ hưởng mức chiết khấu 1%

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng là: $573.189.891 \times 1\% = 5.731.898 \text{ đ}$

Số tiền công ty thực thu: $573.189.891 - 5.731.898 = 567.457.993$

- Nếu Công ty Cổ Phần LISEMCO 2 thanh toán tiền hàng từ ngày 18 đến ngày 25 được hưởng mức chiết khấu 0.5%

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng: $573.189.891 \times 0.5\% = 2.865.949 \text{ đ}$

Số tiền công ty thực thu: $573.189.891 - 2.865.949 = 570.323.942 \text{ đ}$.

Theo ví dụ trên thì việc áp dụng chiết khấu thanh toán cho Công ty Cổ Phần LISEMCO 2 sẽ làm tăng chi phí(Nợ TK 635) . Tuy nhiên việc này lại khuyến khích khách hàng nhanh thanh toán, giúp cho Công ty trong việc quay vòng vốn hiệu quả hơn.

3.2.3.3 Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm

Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó tạo ra sức hấp dẫn lôi cuốn và thu hút khách hàng.

Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với số lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán.

* *Chiết khấu thương mại:* Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã

ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: giảm giá hợp đồng theo tỉ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng.

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng mặt hàng.

- Công ty có thể tự xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng dựa trên sản lượng tiêu thụ, giá thành sản xuất, giá bán thực tế của công ty, giá bán của đối thủ cạnh tranh, giá bán bình quân của sản phẩm trên thị trường

- Công ty cũng có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của các doanh nghiệp cùng ngành

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng TK 521.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

Phương pháp hạch toán như sau:

-Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 521

Nợ TK 3331

Có TK 111, 112

Có TK 131

-Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang TK 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511

Có TK 521

Phương pháp kế toán TK 532 – Giảm giá hàng bán.

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán phản ánh:

Nợ TK 532

Nợ TK 3331

Có TK 111,112,131

Cuối kỳ hạch toán kết chuyển giảm giá hàng bán để điều chỉnh giảm doanh thu.

Nợ TK 511

Có TK 532

Với các biện pháp khuyến mãi này công ty có thể không những giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường

Ví dụ 3.3: *Chiết khấu thương mại:*

Trong quý 1, quý 2, quý 3 năm 2010 Công ty Cổ Phần LILIAM 10 ký kết hợp đồng mua bán giá trị lớn với Công ty ngày 16/11/2010 với tổng giá trị hợp đồng là 933.311.071 đ. Công ty dùng chiết khấu thương mại chiết khấu cho Công ty Cổ Phần LILIAM 10 là 1%.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 521 : 933.311.071x 1%= 9.333.110

Nợ TK 3331 : 933.311

Có TK 131 : 10.266.421

Nợ TK 511 : 9.333.110

Có TK 521 : 9.333.110

3.1.2.4 Về công tác quản lý chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí là khoản bỏ ra để thực hiện doanh thu nhưng nó lại là các khoản chi phí của doanh nghiệp. Do đó, việc sử dụng tiết kiệm, hợp lý các khoản chi phí của doanh nghiệp này sẽ có ảnh hưởng lớn tới hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tiết kiệm chi phí là làm giảm lượng tiêu hao vật chất trên một đơn vị sản phẩm, tăng

khối lượng sản phẩm, dịch vụ sản xuất ra và giảm giá thành của hàng đã cung cấp.

Để thực hiện tiết kiệm chi phí, em xin đưa ra một số biện pháp như sau:

- Mua hàng hóa phải mua ở những nguồn tin cậy, đảm bảo, không mua hàng có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng không đảm bảo, chống lãng phí khi mua nguyên liệu, hạn chế mua hàng nhiều nguồn sẽ khó khăn trong việc quản lý giá cả và nguồn gốc vật tư.

- Công ty cần phải cắt giảm chi phí giao nhận vận tải, bảo hiểm, dự trữ bảo quản hàng hóa, chi phí tiền lương cho người bán hàng và quản lý, chi phí làm các thủ tục trong mua bán, các chi phí cho dịch vụ mua ngoài.

- Chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm hai khoản chi là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, nhưng do đặc thù hoạt động kinh doanh của mình (hoạt động thương mại) mà chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí. Do đó, giải pháp chủ yếu cần tập trung làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Trước hết, Công ty cần có những giải pháp giảm chi phí không cần thiết như: chi phí điện thoại, chi phí điện... tránh tình trạng sử dụng tràn lan. Đối với chi phí hội họp, tiếp khách Công ty cần có quy định cụ thể về số tiền được chi cho từng cuộc họp... Ngoài ra, Công ty nên phổ biến những chính sách thực hiện tiết kiệm đến từng cán bộ công nhân viên, yêu cầu mọi người cùng phối hợp thực hiện. Cuối năm có những chính sách khen thưởng, xử phạt đối với những cá nhân, bộ phận làm chưa tốt.

Quản lý tốt chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là một vấn đề mà doanh nghiệp nào cũng cần quan tâm. Tiết kiệm được chi phí đồng nghĩa với việc lợi nhuận của doanh nghiệp tăng lên. Đây là hai chỉ tiêu chất lượng quan trọng phản ánh trình độ quản lý kinh doanh của một doanh nghiệp. Quy mô hai loại chi phí này lớn hay nhỏ đều ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

- Công ty phải quản lý chặt chẽ theo từng yếu tố chi phí phát sinh, có kế hoạch, sắp xếp công việc kinh doanh một cách khoa học, hợp lý. Có kế hoạch và dự kiến cho từng khoản chi phí sử dụng, tránh tình trạng chi phí vượt nhiều so với kế hoạch. Để có thể thực hiện được hai điều này, Công ty phải tiến hành phân công công việc, giám sát quá trình thực hiện công việc một cách nghiêm túc, đối với

những công việc phải tiêu tốn một khoản chi phí lớn thì nên đưa ra nhiều phương án để lựa chọn, phương án nào tiết kiệm được chi phí, đem lại hiệu quả tối ưu thì lựa chọn, điều đó giúp Công ty giảm thiểu rủi ro và tránh được sự bị động khi gặp sự cố.

3.2.3.5 Về việc tham gia đóng bảo hiểm và việc ghi chép sổ sách kế toán

Công ty nên đóng bảo hiểm xã hội và trích lương theo hệ số chung đã quy định :

BHXH trích bằng 22% lương cơ bản và các khoản phụ cấp của người lao động , với 16% tính vào chi phí của doanh nghiệp và 6% trừ vào thu nhập của người lao động .

BHYT trích bằng 4,5% lương cơ bản và phụ cấp (nếu có): 3% tính vào chi phí, 1,5% trừ vào thu nhập

KPCĐ trích 2% tính vào chi phí của doanh nghiệp,

BHTN 2% trong đó 1% do công ty đóng, 1% do người lao động đóng.

Khi đánh số thứ tự của chứng từ kế toán theo ngày tháng phát sinh sẽ không thể hiện được tính liên tục của chứng từ và không thuận tiện cho việc kiểm tra số liệu. Do vậy kế toán nên đánh lại số hiệu của chứng từ kế toán liên tục theo thứ tự .

3.2.3.6 Về vận dụng phần mềm trong tổ chức hạch toán kế toán

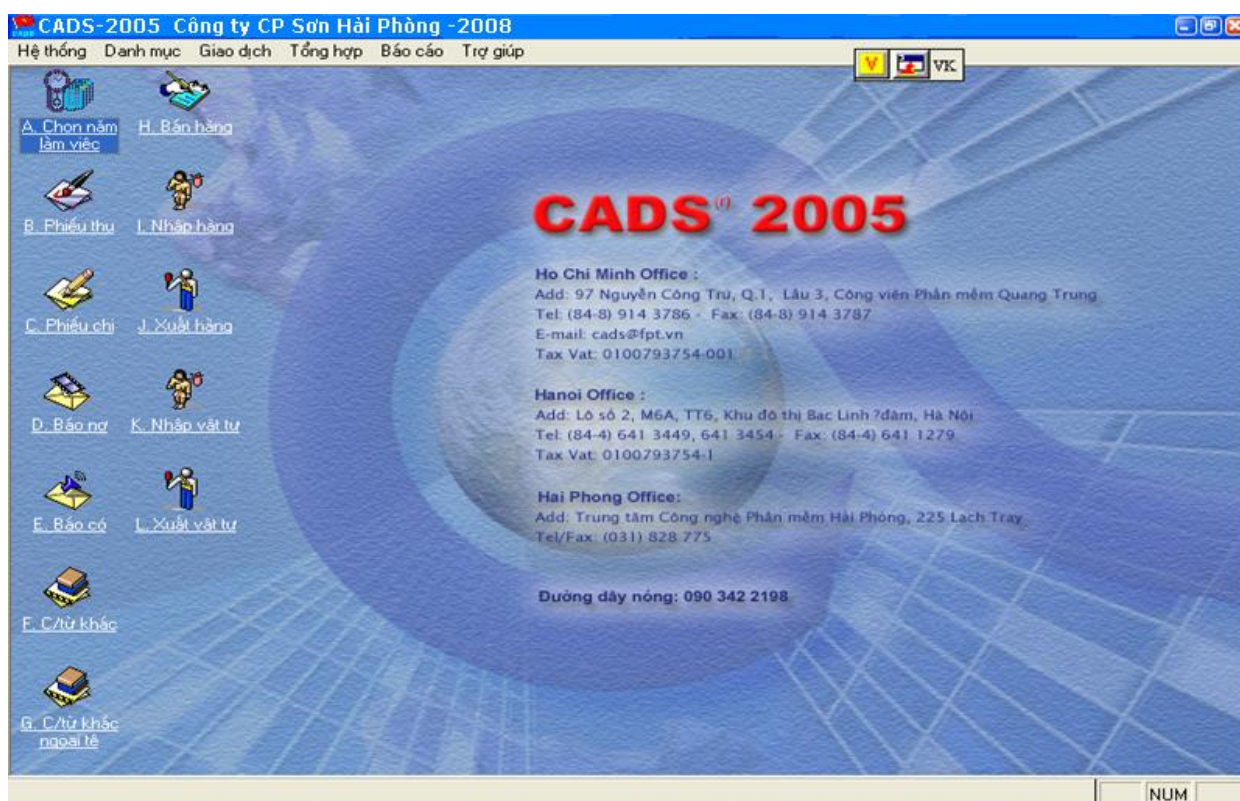
Ngày nay khi công nghệ tin học ngày càng phát triển thì việc ứng dụng tin học vào đời sống xã hội đã và đang trở thành một xu hướng đúng đắn, trong đó đối với công tác kế toán nói riêng là một tất yếu. Bởi vì khi ứng dụng máy tính vào công tác kế toán sẽ vừa đảm bảo yêu cầu quản lý, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.

Sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính giảm thiểu tối đa việc nhầm lẫn trong tính toán, ghi chép kế toán, đảm bảo được chính xác, trung thực cao, tiết kiệm được nhân lực và chi phí, thuận lợi cho công tác kiểm tra, theo dõi hạch toán kế toán. Theo em công ty nên áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của công ty.

Công ty có thể tham khảo các giao diện phần mềm kế toán trên các thông tin trên mạng , hoặc tham khảo của các công ty trong cùng lĩnh vực. Dưới đây em xin

đưa ra một số giao diện phần mềm công ty có thể tham khảo.

Phần mềm Smart innovation và phần mềm Casd- 2005 là phần mềm cũng phù hợp với Công ty có đặc điểm là hoạt động trong lĩnh vực thương mại nhỏ ,phần mềm tiện lợi nhanh chóng , chính xác sẽ giúp cho kế toán của công ty tiết kiệm được nhân lực và chi phí .



Ngoài việc công ty phải khắc phục những hạn chế của mình và không để tình trạng thua lỗ xảy ra trong năm tới đây theo em công ty nên thực hiện tốt những biện pháp đã nêu trên và cũng nên đề ra phương hướng chiến lược hiệu quả kinh doanh cụ thể. Sau đây em xin đưa ra một số phương hướng nhằm nâng cao tổng số lợi nhuận như sau:

➤ Công ty cần có chiến lược nghiên cứu và xâm nhập thị trường trong nước và thị trường thế giới thích hợp nhằm mở rộng thị trường, tăng thị phần của doanh nghiệp.

➤ Công ty nên có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ nhân viên trong toàn Công ty, bồi dưỡng và bố trí nguồn nhân lực một cách hợp lý, khoa học. Có phương thức quản lý hoạt động kinh doanh một cách khoa học, tạo mọi điều kiện cho bộ máy kế toán hoàn thành công việc.

➤ Tìm ra những nguồn cung cấp hàng hóa tốt đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã. Cần phải xây dựng phương án kinh doanh với khối lượng, chất lượng, kết cấu hàng hóa hợp lý, có giá bán hợp lý và tổ chức thực hiện tốt các phương án đó để có đủ lực lượng phù hợp cung cấp tốt cho nhu cầu thị trường.

➤ Công ty nên đa dạng các phương thức bán hàng hơn như: có thể bán hàng qua mạng, qua đại lý.

➤ Vận dụng tốt các chiến lược Marketing mix để hỗ trợ đắc lực cho công tác tiêu thụ sản phẩm.

➤ Không ngừng nâng cao sức mạnh, uy tín của công ty trên thị trường, có các chứng chỉ quốc tế cần thiết như ISO, HACCP, 6 MP... để tăng sức cạnh tranh, có điều kiện đứng vững và phát triển trên thị trường trong mọi điều kiện.

➤ Đặc điểm của công ty là hoạt động trong lĩnh vực thương mại cho nên việc cắt giảm chi phí giá vốn là giảm chi phí mua hàng bằng cách mua hàng với giá cả hợp lý, giảm các chi phí trong quá trình mua hàng.

➤ Công ty cũng cần biết tận dụng tối đa nguồn vốn của bên ngoài để mở rộng kinh doanh, tăng lợi nhuận.

► Có nghệ thuật trong việc sử dụng nguồn nhân lực để phát huy tối đa năng lực , trách nhiệm của người lao động nhằm tăng năng suất lao động từ đó tăng lợi nhuận.

► Phân tích các nhân tố bên trong và bên ngoài , sự biến động và từng tình huống trên thị trường để xác định kịp thời những cơ hội và rủi ro nhằm có những biện pháp tận dụng những cơ hội và khắc phục những rủi ro trong kinh doanh.

► Sử dụng đồng vốn chặt chẽ, nâng cao trình độ sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật , có nghệ thuật trong sử dụng đồng vốn để làm tăng hiệu quả sử dụng đồng vốn từ đó làm tăng lợi nhuận của công ty.

► Ngoài ra Công ty cần phải kiện toàn bộ máy quản lý giúp cho công tác chỉ đạo kinh doanh được diễn ra nhịp nhàng , chặt chẽ giữa các phòng ban.

Với những ý kiến đóng góp nhỏ bé của mình em rất mong có thể đóng góp vào công tác kế hoạch kinh doanh, phát triển của công ty , một phần nào giúp cho công ty đạt được những kết quả khả quan , lợi nhuận tăng lên và công ty ngày một phát triển.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường đổi mới tài chính luôn là tổng hoà các mối quan hệ kinh tế tài chính. Tài chính hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý, có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế tài chính, đảm nhiệm hệ thống tổ chức thông tin có ích cho quyết định kinh tế. Vì vậy công tác kế toán có vai trò đặc biệt không chỉ với hoạt động tài chính Nhà nước mà còn vô cùng cần thiết và quan trọng trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Vì vậy tổ chức công tác kế toán tại các cơ sở kinh doanh một cách khoa học, hợp lý, đúng chế độ tài chính kế toán do bộ tài chính ban hành sẽ đảm bảo phản ánh chính xác, trung thực, khách quan tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp cho các nhà quản lý kịp thời có các biện pháp khắc phục những nhược điểm và phát huy những ưu điểm. Đồng thời cũng góp phần giúp cho doanh nghiệp thực hiện tốt các kế hoạch, phát huy các nguồn lực tài chính, tăng thu nhập.

Tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là nội dung rất quan trọng trong công tác kế toán giúp cho chủ doanh nghiệp nắm được tình hình chung của Công ty, giúp họ đưa ra các quyết định đúng đắn và kịp thời.

Xuất phát từ ý nghĩ đó, việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất cần thiết đối với các doanh nghiệp nói chung.

Bằng cơ sở lý luận và tình hình thực tế tại Công ty CPTM Thái Giang, em mong muốn góp phần nhỏ bé của mình cùng với doanh nghiệp nhằm đi đến những thành công hơn nữa trong tương lai.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn Thạc sỹ Lương Khánh Chi cùng với các cô chú, anh chị trong Công ty đã hướng dẫn và cung cấp tư liệu giúp em hoàn thành báo cáo này. Tuy nhiên bản báo cáo cũng không tránh khỏi những thiếu sót vì vậy em mong nhận được sự chỉ bảo của Thầy – Cô trong khoa để báo cáo này được hoàn thiện tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên
Nguyễn Thị Nga